

KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 2

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume 2

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA

1. Lúc bấy giờ ngài Xá-Lợi-Phất hớn hờ vui mừng, liền đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật mà bạch Phật rằng: Nay

PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA

1. Thereupon, Shariputra, with joyful enthusiasm, rose, placed his palms together, gazed reverently at the World Honored One’s face and said to the Buddha, “Now, having heard this sound of Dharma from



con theo đức Thế-Tôn
nghe được tiếng pháp
này, trong lòng vui
thích được điều chưa
từng có.

Vì sao? Con xưa theo
Phật nghe pháp như thế
này, thấy các vị Bồ-Tát
được thọ ký thành Phật

the World Honored One, my heart
rejoices and I have obtained what I
never had before.”

“What is the reason? In the past, I
heard a Dharma such as this from
the Buddha, and saw the
Bodhisattvas receive predictions of



mà chúng con chẳng
được dự việc đó tự rất
cảm thương mất vô
lượng tri kiến của Như-
Lai.

Thế-Tôn! Con thường
khi một mình ở dưới
cây trong núi rừng, hoặc
ngồi hoặc đi kinh hành,

Buddhahood, but we had no part in
this matter. I was deeply hurt that I
had lost the limitless knowledge
and vision of the Thus Come One.”

“World Honored One, when I used
to dwell alone in mountain forests,
at the foot of trees, whether sitting
or walking, I continually had this



hằng nghĩ như vậy:
Chúng ta đồng vào pháp
tánh, tại sao đức Như-
Lai lại dùng pháp tiểu
thừa mà tế độ cho? Đó
là lỗi của chúng con chứ
chẳng phải là Thế-Tôn
vậy.

thought, “We all identically enter
into the Dharma-nature, why has
the Thus Come One shown us
deliverance by means of the Small
Vehicle Dharma? We are at fault,
not the World Honored One.”



Vì sao? Nếu chúng con chờ Phật nói pháp sở nhân thành đạo vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác thì chắc do pháp Đại-thừa mà được độ thoát. Song chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp, vừa

“What is the reason? If we had waited for the lecture on the cause of realizing anuttarasamyaksambodhi, we would certainly have been delivered by means of the Great Vehicle Dharma. But we did not understand that expedient devices are spoken in accord with what is appropriate. Therefore, when we



mới nghe Phật nói pháp
vội tin nhận suy gẫm để
chứng lấy.

Thế-Tôn! Con từ xưa
đến nay trọn ngày luôn
đêm hằng tự trách mình,
mà nay được từ Phật

first heard the Buddhadharmā,
upon encountering it, we
immediately believed, accepted,
and considered it, and attained
realization.”

“World Honored One, from of old,
I have, day and night, continually
reproached myself. Now, from the
Buddha, I have heard what I never



nghe pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi hời, thân ý thơ thới rất được an ổn.

Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh,

heard before, this Dharma which has never been before, and all my doubts have been severed. My body and mind are blissful, and I am at peace.”

“Today, indeed, I know that I am a true disciple of the Buddha, born from the Buddha’s mouth, transformed from the Dharma;



được pháp phần của Phật.

Khi ấy, Ngài Xá-Lợi-Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2. Con nghe tiếng pháp này

I have obtained a share of the Buddhadharma”

At that time, Shariputra, wishing to restate this meaning, spoke verses, saying:

2. Hearing this Dharma sound,



Được điều chưa từng có
Lòng rất đổi vui mừng
Lưới nghi đều đã trừ,

Xưa nay nhờ Phật dạy

Chẳng mất nơi Đại-
thừa.

Tiếng Phật rất ít có

I gained what I never had;
My heart is filled with great joy,
The net of doubts has been cast
aside .

From of old, favored with the
Buddha's teaching,
I had never lost the Greater
Vehicle.

The Buddha's sound is extremely
rare,



Hay trừ khổ chúng sanh
Con đã được lậu tận (1)

Nghe cũng trừ lo khổ.

Con ở nơi hang núi
Hoặc dưới cụm cây

rừng

Hoặc ngồi hoặc kinh
hành

And can rid beings of their woes.
I have already attained to the end of
outflows,
Yet hearing it my woes also are
dispelled.

As I dwelt in the mountain valleys,
Sometimes at the foot of trees,

Whether sitting or walking,



Thường suy nghĩ việc
này,
Thôi ôi! Rất tự trách
Sao lại tự khi mình
Chúng ta cũng Phật tử
Đồng vào pháp vô lậu
Chẳng được ở vị lai

I constantly thought upon this
topic:
“Ah,” I cried in bitter self-reproach,
“Why have I deceived myself?
We, too, are the Buddha’s
disciples,
And equally enter the non-outflow
Dharma;
Yet, in the future, we shall not be
able



Nói pháp vô thượng
đạo,

Sắc vàng, bạ̉m hai
tướng (2)

Mười lực (3) các giải
thoát.

Độ̀ng chung trong một
pháp

Mà chẳng được việc đây
Tám mươi tướng tốt đẹp

To proclaim the Unsurpassed Path.

The Golden Color, the Thirty-two,

The Ten Powers and all the
Liberations

Are together in a single Dharma,

But I have not attained these things.

The Eighty Wondrous Hallmarks,



Mười tám pháp bất cộng

(4)

Các công đức như thế

Mà ta đều đã mất

3. Lúc con kinh hành
riêng

Thấy Phật ở trong
chúng

The Eighteen Unshared Dharmas—

Such qualities of virtue--

I have missed them, every one.”

3. When I used to walk alone,

I would see the Buddha in the
Great Assembly,



Danh đồn khắp mười
phương

Rộng lợi ích chúng sanh

Tự nghĩ mất lợi này

Chính con tự khi dối

Con thường trong ngày
đêm

Hằng suy nghĩ việc đó

Muốn đem hỏi Thế-

Tôn?

His fame filling the ten directions,

Vastly benefiting all beings.

I felt I had lost this benefit,

And had but cheated myself.

Constantly, both day and night,

I thought upon this matter,

And wished to ask the World

Honored One



Là mất hay không mất?
Con thường thấy Thế-
Tôn

Khen ngợi các BỒ-Tát
(5)

Vì thế nên ngày đêm
Suy lường việc như vậy

4. Nay nghe tiếng Phật
nói

Whether or not I had lost it.

I often saw the World Honored
One

Praising all the Bodhisattvas,

And so it was, by day and night,
I pondered on matters such as
these.

4. Now I hear the Buddha's sound,



Theo cơ nghi dạy Pháp
Vô lậu khó nghĩ bàn

Khiến chúng đến đạo
tràng.

Con xưa chấp tà kiến

Làm thầy các Phạm-chí
(6)

Opportunely speaking that Dharma
Which is without outflows--hard to
conceive of--

And leads living beings to the
Bodhimanda.

Once, I was attached to deviant
views,

And was a teacher of the Brahmins.



Thế-Tôn rỗ tâm con

Trừ tà nói Niết-bàn.

Con trừ hết tà kiến
Được chứng nơi pháp
không

Bấy giờ lòng tự bảo
Được đến nơi diệt độ
Mà nay mới tự biết

The World Honored One knew my
heart,

Pulled out the deviant, and taught
me Nirvana.

I rid myself of deviant views,
And realized the Dharma of
emptiness.

Then, I said to myself
That I had arrived at Quiescence.
But now, at last, I realize



Chẳng phải thực diệt độ.
Nếu lúc được thành
Phật
Đủ ba mươi hai tướng
Trời, người, chúng, Dạ-
xoa
Rồng, thần đều cung
kính
Bấy giờ mới được nói

It is not real Quiescence.
For when I become a Buddha,
Complete with the Thirty-two
Marks,
Revered by gods, humans, and
yaksha hordes,
Dragons, spirits, and others,
Only then will I be able to say,



Dứt hẳn hết không thừa

Phật ở trong đại chúng

Nói con sẽ thành Phật

Nghe tiếng pháp như
vậy

Lòng nghi hoi đã trừ.

“This is eternal Quiescence without residue.”

The Buddha, in the Great
Assembly,

Has said, I shall become a Buddha.

Hearing such a Dharma sound,

All my doubts have been dispelled.



5. Khi mới nghe Phật
nói
Trong lòng rất sợ nghi
Phải chăng ma giả Phật
Nã loạn lòng ta ư?
Phật dùng các món
duyên

5. When I first heard the Buddha
speak,
My heart was filled with great fear
and doubt:
“Is this not Mara disguised as the
Buddha,
Come to disturb and confuse my
heart?”
The Buddha, by means of various
conditions,



Thí dụ khéo nói phô,
Lòng kia an như biển

Con nghe, lưới nghi đứt.

Phật nói thưở quá khứ
Vô lượng Phật diệt độ

An trụ trong phương
tiện

Analogies, and ingenious speech,
Makes one's heart as calm as the
sea.

Hearing him, the net of my doubts
was rent.

The Buddha says that in the past,
The limitless Buddhas, now
extinct,

Dwelling in the use of expedients,



Cũng đều nói pháp đó.

Phật hiện tại, vị lai.

Số nhiều cũng vô lượng
Cũng dùng các phương
tiện

Diễn nói pháp như thế.

Như Thế-Tôn ngày nay

Also spoke this Dharma--each of
them.

The Buddhas of the present and
future,

Their numbers without limit,

Also used expedients

To expound Dharma such as this.

Just as now, the World Honored
One,



Từ sanh đến xuất gia
Được đạo Chuyển-
pháp-luân
Cũng dùng phương tiện
nói
Thế-Tôn nói đạo thật

Ba tuần (7) không nói
được
Vì thế con định biết

From birth until his leaving home,
His attaining the Way and turning
the Dharma wheel,
Also speaks by means of
expedients.
The World Honored One speaks of
the real Path.
The evil one does no such thing;
Hence, I know for certain



Không phải ma giả Phật

Con sa vào lưới nghi

Cho là ma làm ra.

Nghe tiếng Phật êm dịu

Sâu xa rất nhiệm màu

This is not the demon posing as the Buddha.

Because I had fallen into a net of doubts,

I said it was the doings of the demon.

Hearing the Buddha's compliant voice,

Profound, far-reaching, subtle and fine



Nói suốt pháp thanh
tịnh

Tâm con rất vui mừng.

Nghi hỗi đã hết hẳn

An trụ trong thật trí

Con quyết sẽ thành Phật

Được trời, người cung

kính

Chuyển pháp-luân vô
thượng

Proclaiming wide the clear, pure
Dharma,

Great is the joy within my heart.

My doubts are forever ended,

As in Real Wisdom I stand firm.

I am certain to become a Buddha,

Revered by gods and humans.

I shall turn the Unsurpassed Wheel
of Dharma,



Giáo hóa các BỒ-Tát.

6. Lúc bảy giờ, đức Phật bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Ta nay ở trong hàng trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn mà nói. Ta xưa từng ở nơi hai muôn ức Phật vì đạo vô

To teach and transform Bodhisattvas.

6. At that time, the Buddha told Shariputra, “I, now, amidst the great assembly of gods, humans, Shramanas, Brahmins, and others, declare that in the distant past, in the presence of twenty thousand kotis of Buddhas, for the sake of



thượng nên thường giáo
hóa ông, ông cũng lâu
dài theo ta thọ học, ta
dùng phương tiện dẫn
đắt ông sanh vào trong
pháp ta”.

Xá-Lợi-Phất! Ta thuở
xưa dạy ông chí nguyện

the Unsurpassed Way, I have
constantly taught and transformed
you. You, throughout the long
night, have followed me and
received my instructions. I have
used expedient devices to guide
you to be born within my Dharma.”

“Shariputra, in the past, I taught
you to resolve yourself on the



Phật đạo, ông nay đều quên mà bèn tự nói đã được diệt độ.
Ta nay lại muốn khiến ông nghĩ nhớ bản nguyện cùng đạo đã làm, mà vì các Thanh-văn nói kinh Đại-thừa tên là: “Diệu-Pháp Liên-Hoa” là pháp giáo

Buddha Way, but you have completely forgotten this, and so you say of yourself that you have already attained quiescence. “Now, again, wishing you to recall the path you have practiced according to your past vows, I, for the sake of the Hearers, speak this Great Vehicle Sutra by the name of The Wonderful Dharma Lotus Flower, a



hóa Bồ-Tát được chư
Phật hộ niệm.

7. Xá-Lợi-Phất! Ông
đến đời vị lai, quá vô
lượng vô biên bất-khả
tư-nghì kiếp, cúng
dường bao nhiêu nghìn
muôn ức Phật, phụng trì
chánh pháp đầy đủ đạo

Dharma for instructing
Bodhisattvas of whom the Buddhas
are protective and mindful.”

7. “Shariputra, in a future age, after
limitless and boundless,
inconceivable eons, having made
offerings to some thousands of
myriads of kotis of Buddhas,
having reverently upheld the
Proper Dharma, and having



tu hành của BỒ-Tát, sẽ
thành Phật hiệu
là Hoa-Quang Như-Lai,
Ứng-cúng,
Chánh-biến-tri,
Minh-hạnh-túc,
Thiện-thệ,
Thế-gian-giải,
Vô-thượng-sĩ,
Điều-ngự trượng-phu,

perfected the Path practiced by the
Bodhisattvas, you shall become a
Buddha by the name of Flower
Light Thus Come One, One
Worthy of Offerings, One of
Proper and Universal Knowledge,
One Whose Understanding and
Conduct Are Complete, a Well-
gone One Who Understands the
World, an Unsurpassed Knight, a



Thiên-nhân-sư,
Phật
Thế-Tôn.

Nước tên Ly-Cầu, cõi
đó bằng phẳng thanh
tịnh đẹp đẽ an ổn giàu
vui, trời người đông
đảo. Lưu ly làm đất, có
tám đường giao thông,

Taming and Regulating Hero, a
Teacher of Gods and Humans, a
Buddha, a World Honored One.”

“His country shall be called ‘Apart
From Filth.’ Its ground will be
level, pure and adorned, tranquil,
and prosperous, and abounding
with gods. It shall have lapis lazuli
for soil and eight intersecting roads



dây bằng vàng ròng để
giăng bên đường, mé
đường đều có hàng cây
bằng bảy báu, thường
có hoa trái. Đức Hoa-
Quang Như-Lai cũng
dùng ba thừa giáo hóa
chúng sanh.

bordered with golden cords, and by
which shall stand rows of trees
made of the seven treasures
constantly blooming and bearing
fruit.” “The Thus Come One
Flower Light will also teach and
transform living beings by means
of the Three Vehicles.



Xá-Lợi-Phất! Lúc đức Phật ra đời dầu không phải đời ác mà bởi bản nguyện nên nói pháp ba thừa. Kiếp đó tên là “Đại-Bảo-Trang-Nghiêm”. Vì sao gọi là “Đại-Bảo-Trang-Nghiêm”? Vì trong cõi đó dùng BỒ-Tát làm

Shariputra, when this Buddha comes into the world, although it will not be an evil age, because of his past vows, he shall teach the Dharma of Three Vehicles.” “That eon will be called ‘Adorned With Great Jewels.’ Why will it be called ‘Adorned With Great Jewels’? Because in that land, Bodhisattvas will be considered great jewels.”



“Đại-Bảo” vậy. Các Bồ-Tát trong số đông vô lượng vô biên bất-khả tư-nghì, tính kể hay thí dụ đều không đếm được, chẳng phải sức trí huệ của Phật không ai có thể biết được. Khi muốn đi thì có hoa đở chân.

“These Bodhisattvas will be limitless, boundless, and inconceivable in number, beyond the reach of calculation or analogy. Without the power of the Buddha's wisdom, no one could know their number.” “When they wish to walk, jeweled flowers will spring up beneath their feet.



Các vị Bồ-Tát đó không phải hàng mới phát tâm, đều đã trồng cội từ lâu. Ở nơi vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật, tinh tu phạm hạnh hằng được các Phật khen.

These Bodhisattvas will not be those who have just brought forth the resolve. They will have planted the roots of virtue for a long time, and in the presence of limitless hundreds of thousands of myriads of kotis of Buddhas purely cultivated Brahman conduct, constantly receiving the Buddhas'



Thường tu trí huệ của
Phật đủ sức thần thông
lớn,
khéo biết tất cả pháp
môn, ngay thật không
dối, chí niệm bền vững
bậc Bồ-Tát như thế,
khắp đầy nước đó.

praise, constantly cultivating the
Buddha's wisdom, and complete
with great spiritual penetrations,
they will be well-versed in all the
doors of Dharma, straightforward,
ingenuous, and resolute.
Bodhisattvas such as these will fill
that country.”



Xá-Lợi-Phất! Đức Phật Hoa-Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ còn làm vương tử chưa thành Phật.

Nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa-Quang Như-Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký vô-thượng chánh-

“Shariputra, the life span of the Buddha Flower Light will be twelve small eons, not counting the time during which, as a prince, he will not yet have become a Buddha. The life spans of the people in that country will be eight small eons.”

“After twelve small eons, the Thus Come One Flower Light will confer upon the Bodhisattva Solid



đẳng chánh-giác cho
Kiên-Mãn Bồ-Tát mà
bảo các Tỳ-kheo: Ông
Kiên-mãn Bồ-Tát này
kể đây sẽ thành Phật
hiệu là Hoa-Túc An-
Hành Như-Lai, Ứng-
cúng, Chánh-biến-tri,
cõi nước của đức Phật
đó cũng lại như đây.

Fullness a prediction of
anuttarasamyaksambodhi, and
announce to the Bhikshus, ‘The
Bodhisattva Solid Fullness shall
next become a Buddha by the name
of Flowery Feet Peacefully
Walking, Tathagata, Arhat,
Samyaksambuddha.
His Buddha-country will be of like
character.’”



Xá-Lợi-Phất! Sau khi Phật Hoa-Quang đó diệt độ, chánh pháp trụ lại trong đời ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp trụ đời cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

“Shariputra, when the Buddha Flower Light has passed into quiescence, the Proper Dharma Age shall dwell in the world for thirty-two small eons. The Dharma Image Age shall dwell in the world also for thirty-two small eons.”



Lúc ấy, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

8. Xá-Lợi-Phất đời sau
Thành đấng Phật trí
khắp
Hiệu rằng: Phật Hoa-
Quang
Sẽ độ vô lượng chúng.

At that time, the World Honored
One, wishing to restate this
meaning, spoke verses, saying,

8. Shariputra, in a future age,
Shall become a Buddha, honored
and all-wise,
By the name of Flower Light,
Who will save limitless multitudes.



Cúng dường vô số Phật

Đầy đủ hạnh Bồ-Tát

Các công đức thập lực

Chúng được đạo vô
thượng

Quá vô lượng kiếp rồi

Having made offerings to countless
Buddhas,

And having perfected the
Bodhisattva conduct,

The Ten Powers and other
meritorious qualities,

He shall certify to the Unsurpassed
Way.

When limitless eons have passed,



Kiếp tên Đại-Bảo-
Nghiem

Cõi nước tên Ly-Cầu

Trong sạch không vết
nhơ

Dùng lưu ly làm đất

Dây vàng giăng đường
sá

There shall be an eon named
“Adorned with Great Jewels,”
And a world by name of “Apart
from Filth,”

Being pure and without flaw,

With lapis lazuli as its ground,
And its roads bordered with golden
cords,



Cây bảy báu sắc đẹp

Thường có hoa cùng trái

Bồ-Tát trong cõi đó
Chí niệm thường bền
vững

Thần thông ba-la-mật

Đều đã trọn đầy đủ

With multicolored trees made of
seven treasures,

Which constantly bloom and bear
fruit.

The Bodhisattvas in that land,
Will be always firm in
mindfulness,

With spiritual penetrations and
paramitas ,

All thoroughly perfected.



Nơi vô số đức Phật

Khéo học đạo Bồ-Tát

Những Đại-sĩ như thế
Phật Hoa-Quang hóa
độ.

Lúc Phật làm vương tử
Rời nước bỏ vinh hoa

In the presence of countless
Buddhas,

They will have well-learned the
Bodhisattva Way .

Great Knights such as these
Shall have been transformed by the
Buddha Flower Light .

That Buddha, when still a prince,
Shall renounce his land and
worldly glory,



Nơi thân cuối rốt sau
Xuất gia thành Phật đạo

Phật Hoa-Quang trụ thế

Thọ mười hai tiểu kiếp

Chúng nhân dân nước
đó

Sống lâu tám tiểu kiếp

And in his final body,
Leave home to realize the Buddha
Way.

The Buddha Flower Light shall
dwell in the world

For a life span of twelve small
eons.

The people of his land

Shall live for eight small eons.



Sau khi Phật diệt độ

Chánh pháp trụ ở đời

Ba mươi hai tiểu kiếp

Rộng độ các chúng sanh

Chánh pháp diệt hết rồi

Tượng pháp cũng băm
hai

When that Buddha has passed into
quiescence,

The Proper Dharma shall remain in
the world

For thirty-two small eons,

Widely saving living beings.

When the Proper Dharma has
vanished,

The Dharma Image shall remain for
thirty-two.



Xá-lợi rộng truyền khắp

Trời, người, khắp cúng
dường

Phật Hoa-Quang chỗ
làm

Việc đó đều như thế.

Đấng Lương-Túc-Tôn
kia

The sharira shall be distributed
widely,

For the offerings of gods and
humans.

The deeds of the Buddha Flower
Light,

Shall be such as these.

That Sagely Honored One, Twice
Complete,



Rất hơn không ai bằng

Phật tức là thân ông
Nên phải tự vui mừng.

9. Bảy giờ bốn bộ
chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-
kheo-ni, Cận-sự-nam,
Cận-sự-nữ và cả đại-
chúng: trời, rồng, Dạ-

Shall be supreme and beyond
compare.

And he is just you, yourself!
It is fitting that you do rejoice.

9. At that time, the Four-fold
Assembly of Bhikshus, Bhikshunis,
Upasakas, and Upasikas, as well as
the great multitude of yakshas,



xoa, Càn-thát-bà, A-tu-
la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-
la, Ma-hầu-la-dà, v.v...
thấy Xá-Lợi-Phất ở
trước Phật lãnh lấy lời
dự ghi sẽ thành vô-
thượng chánh-đẳng
chánh-giác, lòng rất vui
mừng hơn hở vô lượng.

gandharvas, asuras, garudas,
kinnaras, mahoragas, and so forth,
seeing Shariputra, in the presence
of the Buddha, receive a prediction
for anuttarasamyaksambodhi,
greatly rejoiced in their hearts and
leapt for unbounded joy.



Mỗi người đều cởi y
trên của mình đang đắp
để cúng dường Phật.

Thích-Đề Hoàn-Nhơn
cùng Phạm-Thiên-
Vương v.v... và vô số
thiên tử cùng đem y đẹp
của trời, hoa trời Mạn-
đà-la, Ma-ha Mạn-đà-la

Each removed his upper garment
and presented it as an offering to
the Buddha.

Shakro Devanam Indrah and the
Brahma Heaven King, together
with countless gods, also made
offerings to the Buddha of
heavenly wonderful garments,
heavenly mandarava flowers and



v.v... cúng dường nơi Phật. Y trời tung lên liền trụ giữa hư không mà tự xoay chuyển. Các kỹ nhạc trời trăm nghìn muôn thứ ở giữa hư không đồng thời đều trôi. Rưới các thứ hoa trời mà nói lời rằng: “Đức Phật xưa ở thành

mahamandarava flowers, and so forth. The heavenly garments they tossed aloft remained in empty space and whirled around. Then, all at once, in empty space hundreds of thousands of myriads of kinds of heavenly music began to play, and there fell a rain of heavenly flowers. As they uttered these words, “Long ago in Varanashi, the



Ba-La-Nại, ban đầu chuyển-pháp-luân, đến nay mới lại chuyển-pháp-luân rất lớn vô thượng”.

Lúc đó các Thiên tử muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Buddha first turned the Wheel of Dharma. Now, he turns again that unsurpassed, magnificent Dharma - wheel.”

At that time, all the gods, wishing to restate this meaning, spoke the following verse:



10. Xưa ở thành Ba-Nại
Chuyển pháp-luân Tứ-
Đế

Phân biệt nói các pháp

Sanh diệt của năm
nhóm (8)

Nay lại chuyển-pháp-
luân

10. Long ago in Varanashi,
You turned the Dharma-wheel of
Four Truths,

Discriminatingly speaking of the
Dharmas,

The production and extinction of
Five Heaps.

Now, again, you turn that
wondrous,



Rất lớn diệu vô thượng,

Pháp đó rất sâu mầu
Ít có người tin được.

Chúng ta từ xưa lại
Thường nghe Thế-Tôn
nói
Chưa từng nghe thượng
pháp

Unsurpassed, great Wheel of
Dharma.

This Dharma is deep and recondite,
And few are those who can believe
it .

We from of old,
Have often heard the World
Honored One speak,
But never have we heard such
Dharma,



Thâm diệu như thế này,
Thế-Tôn nói pháp đó

Chúng ta đều tùy hỷ,
Đại trí Xá-Lợi-Phất
Nay được lãnh Phật ký

Chúng ta cũng như vậy
Quyết sẽ được thành
Phật,

So deep, wondrous, and supreme.
The World Honored One has
spoken the Dharma,
And we rejoice accordingly,
As the greatly wise Shariputra
Now receives the Honored One's
prediction.

We, too, are like this,
And will surely become Buddhas,



Trong tất cả thế gian
Rất tôn không còn trên
Phật đạo chẳng thể bàn

Phương tiện tùy nghi
nói

Ta bao nhiêu nghiệp
phước

Đời nay hoặc quá khứ

Throughout all the worlds,
Most honored and supreme.

The Buddha's Way is
inconceivable,

Taught expediently according to
what is fitting.

May all of our blessed karma,

In this life and in lives gone by,



Và công đức thấy Phật.
Trọn hồi hướng Phật
đạo.

11. Bảy giờ, Xá-Lợi-
Phất bạch rằng: “Thế-
Tôn! Con nay không
còn nghi hối, tự mình ở
trước Phật được thọ ký
thành vô-thượng chánh-

And the merit and virtue gained
from seeing the Buddha,
Be dedicated to the Buddha Way.

11. At that time, Shariputra spoke
to the Buddha, saying, “World
Honored One, I now have no
further regret, having received from
the Buddha a prediction for
Anuttarasamyaksambodhi. But the



đẳng chánh-giác. Các vị tâm tự tại một nghìn hai trăm đây, lúc xưa ở bậc hữu-học, Phật thường dạy rằng: “Pháp của ta hay lìa sanh, già, bệnh, chết rớt ráo Niết-bàn”.

Các vị hữu-học vô-học đây cũng đều đã tự rời

twelve hundred whose hearts have attained self-mastery, and who formerly dwelt in the Stage of Study, were constantly taught by the Buddha who said, ‘My Dharma can enable one to separate from birth, old age, sickness, and death and attain to Ultimate Nirvana.’

Both Those Who Study and Those Beyond Study alike have separated



chấp ngã cùng chấp có,
chấp không v.v...

nói là được Niết-bàn,
mà nay ở trước đức
Thế-Tôn nghe chỗ chưa
từng nghe, đều sa vào
nghi lầm. Hay thay Thế-
Tôn!

from the View of Self, the Views
of Existence and Non-existence,
and so forth, and claim that they
have attained Nirvana. Yet now,
hearing from the World Honored
One that which they have never
heard before, they have all fallen
into doubt and delusion. Good
indeed, World Honored One, I
hope that you would, for the sake



Xin Phật vì bốn chúng nói nhân duyên đó, khiến lìa lòng nghi hối”.

12. Khi ấy, Phật bảo ngài Xá-Lợi-Phất: Ta trước đâu không nói rằng: “Các Phật Thế-Tôn dùng các món nhân

of the Four-fold Assembly, speak of these causes and conditions, to free them of their doubts and regrets.”

12. At that time, the Buddha told Shariputra, “Have I not said before that all Buddhas, World Honored Ones, speak the Dharma by means of various causes and conditions,



duyên lời lẽ thí dụ
phương tiện mà nói
pháp đều là đạo vô-
thượng chánh-đẳng
chánh-giác ư? Các điều
nói đó đều vì dạy Bồ-
Tát vậy. Nhưng Xá-Lợi-
Phất! Nay ta sẽ dùng
một thí dụ để chỉ rõ lại
nghĩa đó, những người

parables, phrases, and expedient
devices, all for the sake of
Anuttarasamyaksambodhi? All of
these teachings are for the sake of
transforming Bodhisattvas.
However, Shariputra, I shall now
again make use of a parable in
order to further clarify the
principle, for all those who are wise



có trí do thí dụ mà được hiểu”..

13. Xá-Lợi-Phất! Như trong quốc ấp, tụ lạc có vị đại Trưởng-giả tuổi đã già suy, của giàu vô lượng, có nhiều nhà ruộng và các tôi tớ. Nhà ông rộng lớn mà chỉ có

gain understanding through parables.”

13. “Shariputra, suppose that in a country, a city, or a village, there is a great Elder, aged and worn, of limitless wealth, possessing many fields, houses, and servants.” “His house is spacious and large, having only one door but with a great



một cửa để ra vào,
người ở trong đó rất
đông; hoặc một trăm,
hai trăm cho đến năm
trăm người, lâu gác đã
mục, vách phen sụp đổ,
chân cột hư nát, trính
xiêng xiêu ngã, bốn
phía đồng một lúc, lửa

many people--one hundred, two
hundred, even five hundred of
them--dwelling within it.” “Its halls
and chambers are decaying and old;
its walls are crumbling. The pillars
are rotting at their bases; the beams
and ridgepoles are toppling
dangerously.” “All at once,
throughout the house, a fire breaks
out, setting the house ablaze.”



bỗng nổi lên đốt cháy
nhà cửa.

Các người con của
Trưởng-giả hoặc mười
người, hoặc hai mươi
người, hoặc đến ba
mười người ở trong nhà
đó.

“The Elder’s sons,
ten,
twenty,
even thirty of them are inside the
house.”



14. Trưởng-giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: Ta dầu có thể ở nơi cửa của nhà cháy này, ra ngoài rất an ổn, song các con ở trong nhà lửa ưa vui chơi giỡn không hay biết, không sợ sệt, lửa đến đốt thân

14. “The Elder, seeing the fire arise from the four sides, is greatly alarmed and makes the following reflection: ‘Although I have been able to escape safely through this burning doorway, all my children remain inside the burning house, happily attached to their amusement, unaware, unknowing, not alarmed and not afraid. The fire



rất đau khổ lắm, mà lòng chẳng nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi.

Xá-Lợi-Phát! Ông Trưởng-giả đó lại nghĩ: thân và tay của ta có sức mạnh, nên dùng vạt áo hoặc dùng ghế đẩu từ trong nhà mà ra ngoài.

presses upon them and the pain will sear them, but at heart they do not mind it, nor have they any thought to escape.”

“Shariputra, the Elder then reflects, ‘My body and arms are strong. I might gather them into a cloth pouch or onto a table and take them from the house.’ He further reflects, ‘This house has only one



Ông lại nghĩ: Nhà này chỉ có một cái cửa mà lại hẹp nhỏ, các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy, ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ.

door and it is narrow and small. My sons are young and immature and as yet know nothing. Attached to their place of play, they may fall and be burnt in the fire.”” “ ‘I must tell them of this frightful matter, that the house has caught fire, and they must hurry and come out so as not to be burned.’



Nhà này đã bị cháy phải mau ra liền, chớ để bị lửa đốt hại. Nghĩ như thế rồi theo chỗ đã nghĩ đó mà bảo các con:

“Các con mau ra!” Cha dầu thương xót khéo nói để dụ dỗ, mà các người con ưa vui chơi chẳng khứng tin chịu, chẳng

So thinking, he speaks to his sons, saying, ‘Come out, all of you quickly!’ Although the father, in his pity, induces them with good words, still all the sons are happily attached to their amusements and play and refuse to believe him. They are not frightened or afraid and have no intention of leaving. What is more, they do not know



sợ sệt, trốn không có lòng muốn ra, lại cũng chẳng hiểu gì là lửa? gì là nhà? thế nào là hại? Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

15. Bây giờ, Trưởng-giả liền nghĩ nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta

what is meant by fire, what is meant by house or what is meant by being lost. They merely run from east to west in play, staring at their father.”

15. “Then, the Elder has this thought, ‘The house is already ablaze with a great fire. If my sons



cùng các con nếu không ra liền chắc sẽ bị cháy, ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các con được khỏi nạn này.

Cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng,

and I do not get out in time, we certainly shall be burned. I shall now devise an expedient device so that my sons can avoid this disaster.””

“The father, knowing both the predispositions of his sons and the preferences each has for various



nếu có, chắc chúng nó
ưa đắm, mà bảo các con
rằng: “Đây này là
những món ít có khó
được mà các con có thể
vui chơi, nếu các con
không ra lấy, sau này
chắc buồn hận. Các thứ
xe dê, xe hươu, xe trâu
như thế, nay ở ngoài

precious toys and unusual
playthings to which they happily
responded, speaks to them, saying,
‘The things you will love to play
with are rare and hard to get. If you
do not take them, you will certainly
regret it later.

Things such as these: a variety of
sheep carts, deer carts, and ox carts,
are now outside the door for you to



cửa có thể dùng dạo
chơi, các con ở nơi nhà
lửa nên mau ra đây tùy
ý các con muốn, cha
đều sẽ cho các con”.

Lúc bảy giờ, các người
con nghe cha nói đồ
chơi báu đẹp vừa ý
mình nên lòng mỗi

play with. All of you should
quickly come out of this burning
house and I shall give you
whatever you want.””

“Then the children, hearing their
father speak of these precious
playthings which suited their
wishes exactly, eagerly push and



người đều mạnh mẽ xô đẩy lẫn nhau cùng đua nhau rượt chạy tranh ra khỏi nhà lửa.

Khi đó Trưởng-giả thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đều ở trong đường ngã tư nơi đất trống không còn bị

shove one another aside in a mad scramble, all fighting to get out of the burning house.”

“At that time, the Elder, seeing that all his sons had gotten out safely and were seated on the ground at the crossroads, is without further



chướng ngại, tâm ông
tho thới vui mừng hơn
hở.

Bấy giờ, các người con
đều thưa với cha rằng:
“Cha lúc nãy hứa cho
những đồ chơi tốt đẹp,
nào xe dê, xe hươu, xe
trâu xin liền ban cho”..

obstruction; his mind is at peace
and he is filled with joy.”

“Then the children all speak to
their father, saying, ‘Father, the
fine playthings you promised us a
while ago, the sheep carts, the deer
carts, and the ox carts, please give
them to us now.’”



16. Xá-Lợi-Phất! Khi đó Trưởng-giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng chung dọn bằng các món báu, lan can bao quanh, bốn phía treo linh, lại dùng màn lọng giăng che ở trên, cũng

16. “O Shariputra, at that time, the Elder gives to all of his sons equally great carts.” “The cart is high and wide, adorned with a multitude of intertwining jewels, surrounded by railings, and hung with bells on its four sides. Further, it is covered with canopies, adorned with various rare and



dùng đồ báu đẹp tốt lạ
mà trau giồi dó, dây
bằng báu kết thắt các
dải hoa rũ xuống, nệm
chiếu mềm mại trái
chồng, gối đỏ để trên,
dùng trâu trắng kéo, sắc
da mập sạch thân hình
mập đẹp, có sức rất
mạnh bước đi ngay

precious jewels, strung with
jeweled cords and hung with
flowered tassels. The cart is heaped
with beautiful mats and set about
with rosy cushions. It is yoked to
an ox, plump and white and of fine
appearance, of great muscular
strength, that walks with even
tread, as fleet as the wind, having



bằng mau lẹ như gió, lại có đông tôi tớ để hầu hạ đó.

Vì có sao? Vì ông Trưởng-giả đó của giàu vô lượng, các thứ kho tàng thảy đều đầy ngập, ông nghĩ rằng: “Của cải của ta nhiều vô cùng,

also many servants who follow and guard it.”

“And why is this? That great Elder has limitless wealth and all manner of storehouses full to overflowing.”

“So he reflects thus: ‘My possessions are boundless. I should



không nên dùng xe nhỏ
xấu kém mà cho các
con, nay những trẻ thơ
này đều là con của ta,
đồng yêu không thiên
lệch, ta có xe bằng bảy
báu như thế số nhiều vô
lượng nên lấy lòng bình
đẳng mà đều cho chúng

not give my children small or
inferior carts.

All of these youngsters are my
children whom I love without
partiality.

Having such great carts made of
the seven jewels, infinite in
number, I should give them to each
one equally.



nó, chẳng nên sai khác”..

Vì sao? Dầu đem xe của ta đó khắp cho cả người một nước hãy còn không thiếu hưởng gì các con. Lúc ấy các người con đều ngồi xe lớn được điều chưa từng

Why? If I gave them to an entire country, they would not run short; how much the less if I gave them to my children!” “Meanwhile, all of the children are riding around on the great carts, having gotten what



có, không phải chỗ
trước kia mình trông.

17. Xá-Lợi-Phất! Ý của
ông nghĩ sao? Ông
Trưởng-giả đó đồng
đem xe trân báu lớn cho
các người con, có lỗi hư
vọng chăng?

they never expected to have,
beyond their original hopes.”

17. “Shariputra, what do you think?
When that Elder gives equally to
all of his children the great jeweled
carriages, is he guilty of falsehood
or not?”



Xá-Lợi-Phất thưa:

“Thưa Thế-Tôn! Không, ông Trưởng giả đó chỉ làm cho các người con được khỏi nạn lửa, toàn thân mạng chúng nó chẳng phải là hư vọng. Vì sao? Nếu được toàn thân mạng bèn đã được đồ chơi tốt đẹp, huống

Shariputra replied, “No, World Honored One. The Elder is not guilty of falsehood, for he has only enabled his children to avoid the calamity of fire, and has thereby saved their lives. Why is this? In saving their lives, he has already given them a fine plaything. How much the more so his setting up of



nữa là dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Thế-Tôn! Dầu ông Trưởng-giả đó nhận đến chẳng cho một thứ xe rất nhỏ còn chẳng phải hư vọng. Vì sao? Vì ông Trưởng-giả đó trước có nghĩ như vậy: Ta dùng

expedients to save them from the burning house.”

“World Honored One, if that Elder had not given them even so much as a single small cart, he still would not have been speaking falsely.

Why? Because the Elder previously had this thought, ‘I will use



chước phương tiện cho các con được ra khỏi, vì nhân duyên đó nên không hư vọng vậy. Huống gì ông Trưởng-giả tự biết mình của giàu vô lượng muốn lợi ích các con mà đồng cho xe lớn!”

expedients to lead my children out.’

For this reason, he is not guilty of falsehood. He is even less guilty since, knowing his own wealth to be limitless and wishing to benefit all his children, he gives to them equally great carts.”



18. Phật bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Hay thay! Hay thay! Như lời ông nói, Xá-Lợi-Phất! Như-Lai cũng lại như thế, Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn vô minh che tối hết hắc không còn thừa, mà trọn

18. The Buddha told Shariputra, “Good indeed, good indeed! It is just as you say.” “Shariputra, the Thus Come One is also like this in that he is a father to all in the world. He has forever ended all fear, weakness, worry, ignorance and obscurity. He has completely realized the limitless Knowledge and Vision, Powers, and



thành tựu vô lượng tri-
kiến, trí-lực, vô-sở-úy;
có sức đại thần thông
cùng sức trí huệ đầy đủ
các món phương tiện.
Trí huệ Ba-la-mật, đại
từ đại bi thường không
hề lười mỏi. Hằng vì
câu việc lành lợi cho tất
cả muôn loại mà sanh

Fearlessnesses. He has great
spiritual might and the power of
wisdom. He has perfected the
paramitas of expedients and
wisdom. He is greatly kind and
compassionate. Never tiring, he
ever seeks the good, benefiting all.
Thus he is born in the Three
Realms which are like a burning
house in order to save living beings



vào nhà lửa tam giới cũ
mục này, để độ chúng
sinh ra khỏi nạn lửa;
sinh, già, bệnh, chết, lo
buồn khổ não, ngu si tối
tăm, ba độc; dạy bảo
cho chúng sinh được
vô-thượng chánh-đẳng
chánh-giác.

from the fires of birth, old age,
sickness, death, grief, misery,
stupidity, dullness, and the three
poisons. He teaches and transforms
them, leading them to the
attainment of
Anuttarasamyaksambodhi.”



19. Ta thấy, các chúng sanh bị những sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não nó đốt cháy, cũng vì năm món dục (9) tài lợi mà bị các điều thống khổ. Lại vì tham mê đeo đuổi tìm cầu nên hiện đời thọ các điều khổ, đời sau thọ

19. “He sees all living beings are scorched by birth, old age, sickness, death, grief, and misery. They undergo various sufferings, because of the Five Desires, wealth and profit. Further, because of their clinging and grasping, they presently undergo a mass of sufferings and in the future will undergo sufferings in the hells,



khổ địa-ngục, súc-sanh, nga-quỷ. Nếu sanh lên trời và ở trong loài người thời nghèo cùng khốn khổ, bị khổ vì người yêu thương xa lìa, kẻ oán ghét lại gặp gỡ. Các món khổ như thế mà chúng-sanh chìm trong đó vui vẻ dạo

among the animals, or hungry ghosts. If born in the heavens or among human beings, they will suffer poverty and distress, the suffering of being separated from what one loves, the suffering of being joined together with what one hates, and all the various sufferings such as these. However, living beings sunk in morass,



chơi, chẳng hay chẳng
biết, chẳng kinh chẳng
sợ, cũng chẳng sanh
lòng nhàm không cầu
giải thoát; ở trong nhà
lửa tam giới này đông
tây rảo chạy dầu bị khổ
nhiều vẫn chẳng lấy làm
lo.

joyfully sport, unaware,
unknowing, unalarmed and
unafraid. They do not grow satiated
nor do they seek liberation. In the
burning house of the Three Realms,
they run about from east to west.
Although they encounter
tremendous sufferings, they are not
concerned.”



20. Xá-Lợi-Phất! Đức Phật thấy việc này rồi bèn nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sanh nên cứu chúng nó ra khỏi nạn khổ đó, ban vô lượng vô biên món trí huệ vui của Phật để chúng nó dạo chơi.

20. “Shariputra, having seen this, the Buddha further thinks, ‘I am the father of living beings. I should rescue them from these sufferings and difficulties, and give them the limitless and boundless joy of the Buddha-wisdom to play with.’”



Xá-Lợi-Phất! Đức Như-Lai lại nghĩ: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông cùng sức trí huệ bỏ chước phương tiện, mà vì chúng sanh khen ngợi các món tri-kiến, trí-lực, vô-sở-úy của Như-Lai, ắt chúng sanh chẳng có thể do đó mà được độ

“Shariputra, the Thus Come One further thinks, ‘If I merely use spiritual power and the power of wisdom, and cast aside expedients, praising for all living beings the power of the Thus Come One’s Knowledge and Vision, Powers, and Fearlessnesses, living beings will not be able to be saved in this way. Why is this? All of these



thoát. Vì sao? Vì các chúng sanh đó chưa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, đau khổ, đang bị thiêu đốt trong nhà lửa tam giới, làm sao có thể hiểu được trí huệ của Phật.

living beings have not yet escaped birth, old age, sickness, death, grief and misery. They are being scorched in the burning house of the Three Realms. How could they understand the wisdom of the Buddha?””



21. Xá-Lợi-Phất! Như ông Trưởng-giả kia dầu thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng đó, chỉ ân cần phương tiện gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, rồi sau đều cho xe trâu báu lớn.

21. “Shariputra, just as that Elder, although he had a powerful body and arms, did not use them, but merely applied expedients with diligence to save all the children from disaster in the burning house, and afterwards gave to each of them a great cart adorned with precious jewels.



Đức Như-Lai cũng lại như thế, dầu có trí lực cùng sức vô úy (10) mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí huệ phương tiện nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì chúng sanh nói ba thừa Thanh-văn, Duyên-giác cùng Phật-thừa mà bảo

In the same way, the Thus Come One, although he has powers and fearlessnesses, does not use them.” “He merely uses wisdom and expedients to rescue living beings from the burning house of the Three Realms, speaking to them of Three Vehicles: those of Hearer, Pratyeka Buddha, and Buddha.”



rằng: “Các người không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới, chớ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham, mê ắt sinh ái nhiễm thì sẽ bị nó đốt; các người mau ra khỏi ba cõi sẽ được chứng ba thừa: Thanh-văn,

“And he says to them, ‘All of you should take no pleasure in dwelling in the burning house of the Three Realms. Do not lust after vulgar and evil forms, sounds, smells, tastes and tangible objects. If you attach to them greedily and give rise to love for them, you will be burnt. You should quickly escape the Three Realms and attain the



Duyên-giác và Phật-thừa.

Nay ta vì các người mà bảo đảm việc đó quyết không dối vậ. Các người chỉ nên siêng năng tinh-tấn tu hành”.

Đức Như-Lai dùng phương tiện ấy để dụ

Three Vehicles: the Hearer, Pratyeka Buddha, and Buddha Vehicles.””

“I now give my Pledge for this and it shall never be proved false. You need only diligently and vigorously cultivate.

The Thus Come One using these expedient means leads all living



dẫn chúng sanh thẳng đến, lại bảo: “Các người nên biết rằng pháp ba thừa đó đều là pháp của các đấng Thánh khen ngợi, là pháp tự tại không bị ràng buộc không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa này dùng các

beings.” “He further says: ‘You should all know that the Dharmas of the Three Vehicles have been praised by the sages.

They will make you free, unbound, and self-reliant.

Riding on these Three Vehicles, by means of non-outflow roots,



món căn, lực, giác-chi, thánh-đạo (11), thiền định vô lậu cùng giải thoát tam muội v.v... để tự vui sướng, được vô lượng an ổn khoái lạc”.

22. Xá-Lợi-Phất! Nếu có chúng sanh nào bề trong có trí tánh, theo

powers, enlightenments, ways, dhyanas, concentrations, liberations, samadhis, and so on, you shall amuse yourselves and attain limitless peace and joy.””

22. “Shariputra, if there are living beings who inwardly possess the wisdom-nature, and hearing the



đức Phật Thế-Tôn nghe pháp tin nhận ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chứng Niết-bàn, gọi đó là Thanh-văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Dharma from the Buddha, the World Honored One, believed and accepted it, diligently making progress, wishing quickly to escape the Three Realms and seeking Nirvana for themselves, they are called those of the Hearer Vehicle. They are like the children who sought the sheep carts and thereby escaped from the burning house.”



Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế-Tôn nghe pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí huệ tự nhiên ưa thích riêng lẻ vắng lặng, sâu rõ nhân duyên của các pháp,

“If there are living beings who hearing the Dharma from the Buddha, the World Honored One, believed and accepted it, diligently making progress, and who seek for themselves Spontaneous Wisdom, delighting in solitude and fond of stillness, deeply understanding the causal conditions of all dharmas;



gọi đó là Duyên-giác-thừa, như các người con kia vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế-Tôn nghe pháp tin nhận, siêng tu tinh tấn cầu

they are called those of the Pratyeka Buddha Vehicle. They are like the children who sought the deer carts and so escaped from the burning house.”

“If there are living beings who hearing the Dharma from the Buddha, the World Honored One, believed and accepted it, earnestly



nhứt-thiết-trí, Phật-trí,
tự-nhiên-trí, vô-sư-trí,
các món tri-kiến-lực,
vô-úy của Như-Lai, có
lòng thương xót làm an
vui cho vô lượng chúng
sinh, lợi ích trời, người,
độ thoát tất cả, hạng đó
gọi là Đại-thừa, Bồ-Tát
vì cầu được thừa này thì

cultivating with vigor, seeking All-
wisdom, Buddha-wisdom,
Spontaneous Wisdom, Untutored
Wisdom, the Knowledge and
Vision of the Thus Come One, his
Powers and Fearlessnesses, pitying
and comforting limitless living
beings, benefiting gods and
humans, saving all, they are called
those of the Great Vehicle. Because



gọi là Ma-ha-tát, như các người con kia cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

23. Xá-Lợi-Phất! Như ông Trưởng-giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đến chỗ vô

the Bodhisattvas seek this vehicle, they are called Mahasattvas. They are like the children who sought the ox carts and so escaped from the burning house.”

23. “Shariputra, just as that Elder, seeing all his children safely escape the burning house to a place of fearlessness, and considering his



úy, ông tự nghĩ, ta của
giàu vô lượng, nên bình
đẳng đem xe lớn đồng
cho các con. Đức Như-
Lai cũng lại như thế, là
cha của tất cả chúng
sinh, nếu thấy có vô
lượng nghìn ức chúng
sinh do cửa Phật giáo
mà thoát khỏi khổ,

own unlimited wealth, give to all of
his children great carts.”

“The Thus Come One, in the same
way, is the father of all living
beings. When he sees limitless
kotis of living beings using the
gateway of the Buddha’s teaching
to get off the fearsome and
dangerous path of the sufferings of



đường hiểm đáng sợ của
ba cõi được sự vui Niết-
bàn.

Bấy giờ, đức Như-Lai
bèn nghĩ: “Ta có vô
lượng vô biên trí huệ,
lực-vô-úy v.v... tạng
pháp của các đức Phật,
các chúng sanh này đều

the Three Realms and attain the
bliss of Nirvana,

The Thus Come One has this
thought, ‘I have limitless and
boundless wisdom, powers,
fearlessnesses and so on--the
complete storehouse of the
Buddhadharma. All of these living



là con của ta đồng ban
cho pháp Đại-thừa,
chẳng để có người được
diệt độ riêng, đều đem
pháp diệt độ của Như-
Lai mà cho chúng sanh
nó diệt độ.

Những chúng sanh đã
thoát khỏi ba cõi đó,

beings are my children. I should
give to all of them great carts, not
allowing them to gain individual
Quiescence, but crossing them over
to Quiescence by means of the
Thus Come One's Quiescence.

Having escaped the Three Realms,
all these living beings are given as



Phật đều cho món vui
thiền định, giải thoát
v.v... của các đức Phật,
các món đó đều là một
tướng, một thứ mà các
đấng Thánh khen ngợi,
hay sanh ra sự vui sạch
màu bậc nhất.

playthings the Buddha's Dhyana
Samadhis, Liberations, and so
forth, all of one mark and one kind,
praised by the sages and productive
of pure, wondrous, and foremost
bliss.””



24. Xá-Lợi-Phát! Như ông Trưởng-giả ban đầu dùng ba thứ xe dụ dẫn các con, sau rồi chỉ ban cho xe lớn vật báu trang nghiêm an ổn thứ nhất, song ông Trưởng-giả kia không có lỗi hư dối. Đức Như-Lai cũng như thế, không có hư dối,

24. “Shariputra, just as that Elder first having used the three carts to entice his children and then later having given them great carts adorned with jewels and supremely comfortable, is not guilty of falsehood, just so is the Thus Come One likewise not guilty of falsehood in first speaking of the Three Vehicles to entice living



ban đầu nói ba thừa dẫn
đắt chúng sanh sau rồi
chỉ dùng Đại-thừa mà
độ giải thoát đó.

Vì sao? Như-Lai có vô
lượng tạng pháp trí huệ,
lực, vô-sở-úy, có thể
ban pháp Đại-thừa cho
tất cả chúng sanh, chỉ vì

beings and then afterwards
delivering them only by means of
the Great Vehicle.

What is the reason? The Thus
Come One has limitless wisdom,
powers and fearlessnesses, a
storehouse of Dharmas, and is able
to give to all living beings the



chúng sanh không thọ
được hết.

Xá-Lợi-Phất! Vì nhân
duyên đó nên phải biết
các đức Như-Lai dùng
sức phương tiện ở nơi
một Phật-thừa phân biệt
nói thành ba.

Great Vehicle Dharma. Not all
living beings, however, are able to
accept it.

Shariputra, because of these causes
and conditions, you should know
that the Buddhas, using the power
of expedient devices, in the One
Buddha Vehicle, discriminate and
speak of three.”



Đức Phật muốn tuyên
lại nghĩa trên mà nói kệ
rằng:

25. Thí như ông Trưởng-
giả

Có một nhà rất lớn
Nhà đó đã lâu cũ
Mà lại rất xấu xa,

The Buddha, wishing to restate his
meaning, spoke verses, saying:

25. Suppose there was an Elder,

Who had a large house,
Which was very old,
And so was collapsing.



Phòng nhà vừa cao
nguy

Gốc cột lại gầy mục
Trính xiêng đều xiêu
vẹo

Nền móng đã nát rã,

Vách phen đều sụp đổ

Đất bùn rơi rớt xuống,

The halls were high and precarious,

The pillars rotting at their bases,
The beams and ridgepoles aslant,

The foundations and stairways
crumbling.

The walls and partitions were
cracked and ruined,

The plaster flaking and falling off.



Tranh lợp sa tán loạn

Kèo đòn tay rời khớp,

Bốn bề đều cong vạy

Khắp đầy những tạp
nhơ,

Có đến năm trăm người
Ở chỗ nơi trong đó.

The thatch was falling every which
way,

And the rafters and eave poles were
coming loose,

The partitions on all sides were
bent and misshapen;

It was filled with all kinds of filth.

There were five hundred people
Dwelling within it.



Chim xi, hiêu, điêu,
thúu,
Quạ, chim thước, cưu,
cáp
Loài ngoan-xà, phúc-
yết,
Giống ngô-công, do-
diên,
Loài thủ-cung, bá-túc

There were kites, owls, hawks, and
vultures,
Crows, magpies, pigeons, and
doves,
Black snakes, vipers and scorpions,

Centipedes and millipedes.

There were geckoes and
myriapods,



Dúu-ly cùng hề-thử
Các giống độc trùng dữ
Ngang dọc xen ruồi
chạy,
Chỗ phân giải hôi thối.

Đồ bất tịnh chảy tràn
Các loài trùng khương
lượng
Bu nhóm ở trên đó,

Weasels, badgers, and mice--
All sorts of evil creatures,
Running back and forth.

There were places stinking of
excrement and urine,
Oozing with filth,
With dung beetles
Clustered upon them.



Cáo, sói cùng dã-can

Liếm nhai và dày đạp

Cắn xé những thây chết

Xương thịt bừa bãi ra,

Do đây mà bày chó

Đua nhau đến ngoạm

lấy,

Ôm đói và sợ sệt

Nơi nơi tìm món ăn

There were foxes, wolves, and Yeh
Kan,

Who nibbled at, trampled on,

And devoured corpses,

Scattering the bones and flesh.

Then packs of dogs

Came running to grab them,

Hungry, weak and terrified,

Seeking food everywhere,



Giành giựt cầu xé nhau
Gầm gừ gào sủa rên,
Nhà đó sự đáng sợ
Những biến trạng
dường ấy.

Khắp chỗ đều có những
Quý, ly, mị, vọng,
lượng

Quý Dạ-xoa quỷ dữ
Nuốt ăn cả thịt người,

Fighting and shoving,
Snarling, howling and barking.
The terrors in that house,
And the sights were such as these.

Li Mei and Wang Liang
Were everywhere.

Yakshas and evil ghosts
Were eating human flesh.



Các loài trùng độc dữ

Những cầm thú hung ác

Áp, cho bú sản sanh

Đều tự giầu gìn giữ

Quý Dạ-xoa đua đến

Giành bắt mà ăn đó,

Ăn đó no nê rồi

Lòng hung dữ thêm

hăng

There were poisonous creatures of
all kinds,

And evil birds and beasts,

Hatching their young,

Each protecting its own.

Yakshas raced to the spot

Fighting one another to eat them.

Having eaten their fill,

Their evil thoughts grew more

inflamed.



Tiếng chúng đánh cãi
nhau

Thật rất đáng lo sợ.

Những quỷ Cưu-bàn-trà

Ngồi xồm trên đồng đất

Hoặc có lúc hổng đất

Một thước hay hai

thước

Qua rồi lại, dạo đi

The sound of their quarreling,

Was dreadful to the extreme.

Kumbhanda ghosts

Were squatting on high ground,

Sometimes leaving the ground

A foot or two,

As they wandered to and fro



Buông lung chơi cùng
giỡn

Nắm hai chân của chó
Đánh cho la thất thanh

Lấy chân đạp trên cổ

Khủng bố chó để vui.

Lại có các giống quỷ

Amusing themselves as they
wished,

Grabbing dogs by two legs,
And striking them so they lost their
bark,

Twisting their legs around their
necks,

Frightening the dogs for their own
pleasure.

Further there were ghosts,



Thân nó rất cao lớn
Trần truồng thân đen
xấu

Thường ở luôn trong đó
Rèn tiếng hung ác lớn
Kêu la tìm món ăn
Lại có các giống quỷ
Cổ nó nhỏ bằng kim,
Lại có các giống quỷ
Đầu nó như đầu trâu

Their bodies very tall and large,
Naked, black and thin,

Always dwelling therein,
Emitting loud and evil sounds,
Howling in search of food.

Further there were ghosts
With throats like needles.

Again there were ghosts
With heads like oxen,



Hoặc là ăn thịt người
Hoặc là ăn thịt chó,
Đầu tóc rối tung lên
Rất ác lại hung hiểm,

Bị đói khát bức ngặt
Kêu la vừa rong chạy

Dạ-xoa cùng quỷ đói

Now eating human flesh,
And then devouring dogs.

Their hair was disheveled
They were harmful, cruel and
dangerous,

Oppressed by hunger and thirst,
They ran about shouting and crying
out.

There were yakshas, hungry ghosts,



Các chim muông ác độc

Đói gáp rảo bốn bề

Rình xem các cửa sổ

Các nạn dường thế đấy

Vô lượng việc ghê sợ

(12)

26. Nhà cũ mục trên đó

Thuộc ở nơi một người

And all sorts of evil birds and
beasts,

Frantic with hunger, facing the four
directions,

Peeking out the windows,

Such were the troubles

And terrors beyond measure there.

26. This old, decaying house

Belonged to a man



Người ấy vừa mới ra
Thời gian chưa bao lâu
Rồi sau nhà cửa đó
Bỗng nhiên lửa cháy đỏ
Đồng một lúc bốn bề
Ngọn lửa đều hùng hực,
Rường cột và trính
xiêng
Tiếng tách nổ vang
động

Who had gone but a short distance
When, before very long,
The rear rooms of the house
Suddenly caught fire.
All at once, all four sides
Were enveloped by raging flames,
The beams, ridgepoles, rafters, and
pillars
Shook and split with the sound of
explosion,



Nát gãy rơi rớt xuống
Vách phen đều lở ngã,

Các loại quỷ thần thấy
Đồng cất tiếng kêu to,
Các giống chim điểu,
thúu

Quỷ Cưu-bàn-trà thấy
Kinh sợ chạy sáng sốt
Vẫn không tự ra được,

Snapped apart and fell,
As the walls and partitions
collapsed and fell in.

All the ghosts and spirits
Screamed loudly,
While the hawks, vultures, and
other birds,

The Kumbhandas, and so forth,
Ran about in a panic,
Unable to get themselves out.



Thú dữ loài trùng độc
Chui núp trong lỗ hang
Các quỷ Tỳ-xá-xà
Cũng ở trong hang đó
Vì phước đức kém vậy
Bị lửa đến đốt bức
Lại tàn hại lẫn nhau

Uống máu ăn thịt nhau.
Những loại thú dã-can

Evil beasts and poisonous insects
Hid away in the holes and crevices,
While the pishacha ghosts
Also dwelt therein.

Their blessings and virtue scanty,
They were hard pressed by the fire;
They wrought harm on one
another,

Drinking blood and eating flesh.
As the packs of Yeh Kan



Thì đều đã chết trước
Các giống thú dữ lớn
Giành đua đến ăn nuốt.

Khói tanh bay phùn
phụt

Phủ khắp bốn bề,
Loài ngô-công, do-diên
Cùng với rắn hung độc

Were already dead,
Monstrous evil beasts
Raced to devour them,
While billows of stinking smoke

Permeated all four sides.
Centipedes and millipedes,
And various kinds of poisonous
snakes,



Bị lửa lòn đốt cháy
Tranh nhau chạy khỏi
hang
Quý Bàn-trà rình chờ
Liên bắt lấy mà ăn.
Lại có các nga-quỷ
Trên đầu lửa rực cháy
Đói khát rất nóng khô

Burnt by the fire,
Fought to escape their holes.
Kumbhanda ghosts
Grabbed and ate them.
Further, all the hungry ghosts,
The tops of their heads aflame,
Tormented by hunger, thirst, and
heat,



Sảng sốt chạy quàng
lên,
Nhà lửa đó dường ấy
Rất đáng nên ghê sợ
Độc hại cùng tai lửa
Các nạn chẳng phải
một.

27. Lúc bảy giờ chủ nhà

Ran about in terror and distress.

So it was in that house:
Terrifying to the extreme,
With dangers and conflagrations--
A host of troubles, not just one.

27. At that time the owner of the
house



Đứng ở nơi ngoài cửa
Nghe có người mách
rằng:

Các người con của ông
Trước đây vì dạo chơi
Mà đến vào nhà này
Thơ bé không hiểu biết
Chỉ vui ham ưa đắm

Was standing outside the door
When he heard someone say,

“All of your children
Awhile ago, in play,
Went into this house.
Being young and ignorant,
They delight in play and cling to
amusements.”



Trưởng-giả vừa nghe
xong

Kinh sợ vào nhà lửa

Tìm phương nghi cứu tế

Cho con khỏi thiêu hại

Mà dụ bảo các con

Nói rõ các hoạn nạn:

Nào ác quỷ độc trùng

Having heard this, the Elder

Entered the burning house, in
alarm.

Intending to save them

From being burned

He warned his children

Of the host of disasters:

“The evil ghosts, the poisonous
insects



Hỏa tai lan tràn cháy
Các sự khổ thứ lớp
Nối luôn không hề dứt

Loài độc xà, nươn
phúc

Và các quỷ Dạ-xoa
Cùng quỷ Cưu-bàn-trà
Những dã-can, chồn,
chó

and the spreading conflagration,
A host of sufferings, in succession
Are continuous, without
interruption.

The poisonous snakes and vipers

And all the yakshas,
And Kumbhanda ghosts,
Yeh Kan, foxes and dogs,



Chim điêu, thúu, xi,
hiêu

Lại giống bá túc thảy
Đều đói khát khổ gấp
Rất đáng phải ghê sợ
Chỗ khổ nạn như thế

Huống lại là lửa lớn.

Hawks, vultures, kites and owls,

And varieties of centipedes
Are frantic with hunger and thirst,
And terrifying to the extreme.

There are so many sufferings and
troubles,

So much increased by this great
fire!”



Các con nhỏ không hiểu

Dẫu có nghe cha dạy

Cứ vẫn còn ham ưa

Vui chơi mãi không thôi

28. Bấy giờ trưởng-giả
kia

Mới bèn nghĩ thế này

But all the children, without
knowledge,

Although they heard their father's
warnings,

Still clung to their amusements
And sported without cease.

28. At that time, the Elder

Further had this thought:



Các con như thế đó
Làm ta thêm sầu não
Nay trong nhà lửa này
Không một việc đáng
vui
Mà các con ngây dại
Vẫn ham mê vui chơi
Chẳng chịu nghe lời ta
Toan sẽ bị lửa hại.
Ông bèn lại suy nghĩ

“Being like this, my children
Add to my worry and distress;
Now, in this house, there is not
A single thing in which to take
pleasure,
And yet all these children
Are intoxicated by their play.
Not heeding my instructions,
They will be injured in the fire.”
Just then he thought



Nên bày các phương
tiện

Bảo với các con rằng:
Cha có rất nhiều thứ
Các đồ chơi trân kỳ
Những xe báu tốt đẹp

Nào xe dê, xe hươu
Cùng với xe trâu lớn
Hiện để ở ngoài cửa

To devise expedients.

He said to the children,
I have all kinds
Of precious playthings:
Fine carriages, wonderful,
bejeweled
Sheep carts and deer carts,
And great ox carts,
Now, right outside the door.



Các con mau ra đây
Cha chính vì các con
Mà sắm những xe này
Tùy ý các con thích
Có thể để dạo chơi.
Các con nghe cha nói
Các thứ xe như vậy
Tức thời cùng giành đua
Rảo chạy ra khỏi nhà

So come out, all of you,
For I have, just for you,
Had these carts made.
Just as you wish,
You can play with them.”
When the children heard him speak
Of carriages such as these,
They immediately raced
Out in a scramble,



Đến nơi khoảng đất
trống

Rời những sự khổ nạn
Trưởng-giả thấy các con
Được ra khỏi nhà lửa
Ở nơi ngã tư đường

Đều ngồi tòa sư-tử
Ông bèn tự mừng rằng
Ta nay rất mừng vui

To a clearing where

They were then safe from harm.
The Elder, seeing that his children
Had escaped the burning house,
And were standing at the
crossroads,

Sat on his Lion's throne
And rejoiced to himself, saying,
“Now, I am happy!



Những đứa con ta đây
Đẻ nuôi rất khó lắm

Chúng nhỏ dại không
hiểu

Mới lẫm vào nhà hiểm

Có nhiều loài trùng độc
Quý, ly, mị đáng sợ
Lửa lớn cháy hừng hực

All of these children
Were hard to bring into the world
and raise;

Stupid, young and without
knowledge,

They went into this dangerous
house,

Swarming with poisonous insects
And fearful Li Mei ghosts,
Ablaze with a great fire,



Bốn phía đều phụt lên
Mà các trẻ con này
Lại ham ưa vui chơi
Nay ta đã cứu chúng
Khiến đều được thoát
nạn
Vì thế các người ơi!
Ta nay rất vui mừng.
Khi ấy các người con

Raging on all sides.
But all these children
Still clung to their amusements.
I have now rescued them
And saved them from disaster.

Therefore, of all people,
I am the happiest!”
Then, all the children,



Biết cha đã ngồi an

Đều đến bên chỗ cha

Mà thưa cùng cha rằng:

Xin cha cho chúng con

Ba thứ xe báu lạ

Như vừa rồi cha hứa

Các con mau ra đây

Sẽ cho ba thứ xe

Tùy ý các con muốn

Knowing their father was sitting at
ease,

All went before him

And addressed him saying,

“Please give to us

The three jeweled carts

That you promised to us, saying,

‘If you children come out

I will give you three carts

Just like you wanted.’



Bây giờ chính phải lúc
Xin cha thương cấp cho.

29. Trưởng-giả giàu có
lớn

Kho đụn rất nhiều đầy
Vàng bạc cùng lưu ly
Xa-cừ ngọc mã-nã,
Dùng những món vật
báu

Now the time has come,
Please give them to us!”

29. The Elder, having great wealth,

And storehouses containing much
Gold, silver and lapis lazuli,
Mother-of-pearl and carnelian,
Used these precious things



Tạo thành các xe lớn
Chung dọn trang
nghiêm đẹp
Khắp vòng có bao lơn
Bốn mặt đều treo linh
Dây vàng xen thắt tụi

Lưới mảnh kết trên châu
Giăng bày phủ phía trên

To make several great carts.
They were decorated and adorned,
Surrounded by railings,
Hung with bells on all four sides,
With golden cords strung about
them,
And gem-studded nets
Spread above them.



Hoa vàng các chuỗi
ngọc

Lòng thòng rũ khắp chỗ
Các màu trang sức đẹp

Khắp vòng vây quanh
xe

Dùng nhiều hàng mềm
mại

Để làm nệm lót ngồi

There were golden flowered tassels

Hanging from them everywhere,
And various multi-colored
ornaments

Encircling them.

Soft silk and cotton

Made up the cushions,



Vải quý mịn rất tốt
Giá trị đến nghìn muôn

Bóng láng trắng sạch sẽ
Dùng trải trùm trên nệm
Có trâu trắng to lớn
Mập khỏe nhiều sức
mạnh

Thân hình rất tươi tốt
Để kéo xe báu đó

And fine coverings,
Valued in the thousands of
millions,
Pure white and sparkling clean
Were spread atop them.
Great white oxen,
Plump, strong and powerful,
Of fine appearance,
Were yoked to the precious carts.



Đông những tôi và tớ

Mà chục hầu giữ gìn

Đem xe đẹp như thế

Đồng ban cho các con

Các con lúc bấy giờ

Rất vui mừng hơn hở

Ngồi trên xe báu đó

They were surrounded by many
footmen

Who were attending to them.

Such fine carriages as these

Were given equally to all the
children.

Then all the children

Danced for joy;

They mounted their jeweled carts



Dạo đi khắp bốn
phương

Vui chơi nhiều khoái
lạc

Tự tại không ngăn ngại.

30. Bảo Xá-Lợi-Phất
này

Đức Phật cũng như vậy

And rode off into the four
directions,

Happily amusing themselves

In unobstructed comfort.

30. I tell you, Shariputra,

I am like this, too,



Tôn cả trong hàng

Thánh

Cha lành của trong đời

Tất cả các chúng sanh

Đều là con của ta

Say mê theo thế lạc

Không có chút huệ tâm

Ba cõi hiểm không an

The honored among many sages,

The father of the worlds.

All living beings

Are my children;

Deeply attached to worldly
pleasures,

They have no wise thoughts at all.

In the three realms there is no
peace;



Dường như nhà lửa
cháy

Các nạn khổ đầy đây

Rất đáng nên ghê sợ

Thường có những sanh,
già

Bệnh, chết và rầu lo

Các thứ lửa như thế

Cháy hừng chẳng tắt
dứt

They are like a burning house filled

with many sufferings,

And frightening indeed.

Ever present are the woes

Of birth, old age, sickness, death,

Fires such as these,

Raging without cease.



Đức Như-Lai đã là

Nhà lửa ba cõi đó

Vắng lặng ở thong thả

An ổn trong rừng nội

Hiện nay ba cõi này

Đều là của ta cả

Những chúng sanh

trong đó

The Thus Come One has already
left

The three realms' burning house
behind.

Quietly I dwell at ease,

In forest and field at peace.

And now it is, that the three realms,

Entirely belong to me,

And in them all the living beings



Cũng là con của ta
Mà nay trong ba cõi
Có nhiều thứ hoạn nạn
Chỉ riêng một mình ta
Có thể cứu hộ chúng
Dẫu lại đã dạy bảo
Mà vẫn không tin nhận
Vì nơi các dục nhiễm
Rất sanh lòng tham mê

Are children of mine.
But now, this place
Is filled with calamities,
And I am the only one
Able to rescue them.
Although I instructed them,
They do not believe or accept,
Because of their deep attachment
and greed
To all the defiling desires.



Bởi thế nên phương tiện
Vì chúng nói ba thừa
Khiến cho các chúng
sanh

Rõ ba cõi là khổ

Mở bày cùng diễn nói
Những đạo pháp xuất
thế,
Các người con đó thấy

Using these expedients,
I speak to them of three vehicles,
Causing all living beings

To understand the pain of the three
realms,

I reveal and extensively proclaim
The Way which transcends the
world.

All of these children,



Nếu nơi tâm quyết định
Đầy đủ ba món minh
(13)

Và sáu món thần thông
(14)

Có người được Duyên-
Giác
Hoặc bất thối Bồ-Tát.

Xá-Lợi-Phất phải biết

If they fix their minds,
Can perfect the three clarities

And the six spiritual powers.

Some shall become conditioned-
enlightened ones,

And others irreversible
Bodhisattvas.

Shariputra,



Ta vì các chúng sanh
Dùng món thí dụ này
Để nói một Phật-thừa
Các ông nếu có thể
Tin nhận lời nói đây.
Tất cả người đều sẽ
Chứng thành quả Phật
đạo

I, for living beings,
Speak this parable
Of the One Buddha Vehicle.
If all of you are able
To believe and accept these words,
You shall, in the future,
Realize the Buddha Way.



31. Phật thừa đây vi
diệu
Rất thanh tịnh thứ nhất
Ở trong các thế giới
Không còn pháp nào
trên
Của các Phật vui ưa,
Tất cả hàng chúng sanh
Đều phải nên khen ngợi
Và cúng dường lễ bái

31. This vehicle is subtle and
wonderful,
Pure and foremost.
In all the worlds
It is the most supreme.

The Buddhas rejoice in it,
And all living beings
Should praise it as well.
Make offerings and bow before it.



Đủ vô lượng nghìn ức
Các trí lực giải thoát
Thiền định và trí huệ
Cùng pháp khác của
Phật
Chúng được thừa như
thế
Khấp cho các con cháu
Ngày đêm cùng kiếp số

Limitless Thousands of Millions
Of powers and liberations,
Dhyana samadis and wisdom,
And the Buddhas' other Dharmas
Are obtained in a vehicle such as
this.
I cause all my children,
Night and day for many aeons,



Thường được ngồi dạo
chơi

Cho các hàng Bồ-Tát
Cùng với chúng Thanh-
văn

Nương nơi thừa báu này
Mà thẳng đến đạo tràng.

Vì bởi nhân duyên đó
Tìm kỹ khắp mười
phương

Ever to amuse themselves

In the company of the Bodhisattvas
And the host of Hearers,

Riding this precious vehicle
Straight to the field of the Way.

For these reasons,
Though they seek in the ten
directions,



Lại không thừa nào
khác

Trừ Phật dùng phương
tiện

Bảo với Xá-Lợi-Phất!

Bọn ông các người thầy

Đều là con của ta

Ta thời là cha lành.

Các ông trải nhiều kiếp

There is no other vehicle,

Except for the Buddhas'
expedients.

I tell you, Shariputra,

That all of you

Are my children,

And I am your father.

For many aeons, you



Bị các sự khổ đốt

Ta đều đã cứu vớt
Cho ra khỏi ba cõi

Ta dầu ngày trước nói
Các ông được diệt độ

Nhưng chỉ hết sanh tử

Mà thật thời chẳng diệt

Have been burned by many
miseries,

And I have saved you all,
Leading you out of the triple realm.

Although earlier I said

That you had passed into
Quiescence,

It was only an end to birth and
death

And not real Quiescence.



Nay việc nên phải làm
Chỉ có trí huệ Phật.

Nếu có Bồ-Tát nào
Ở trong hàng chúng này
Có thể một lòng nghe
Pháp thật của các Phật,
Các đức Phật Thế-Tôn

What you should accomplish now,
Is nothing but the Buddhas'
wisdom.

If there are Bodhisattvas
Within this assembly,
They can singlemindedly listen to
The Buddha's real Dharma
Although the Buddhas, World
Honored Ones,



Dầu dùng chước
phương tiện

Mà chúng sanh được độ
Đều là Bồ-Tát cả

32. Nếu có người trí nhỏ

Quá mê nơi ái dục
Phật bèn vì bọn này
Mà nói lý khổ-đế,

Employ expedient devices,

The living beings they transform
All are Bodhisattvas.

32. If there are those of little
wisdom,

Deeply attached to love and desire,
For their sakes
I teach the truth of suffering.



Chúng sanh nghe lòng
mừng

Được điều chưa từng có
Đức Phật nói khổ-đế,

Chơn thật không sai
khác

Nếu lại có chúng sanh
Không rõ biết gốc khổ

Living beings then rejoice

Gaining what they never had,
For the Buddha's Teaching of
suffering's truth

is true, real and not false.

If there are living beings,
Who do not know the origin of
suffering,



Quá say nơi khổ nhân

Chẳng tạm rời bỏ được

Phật vì hạng người này

Dùng phương tiện nói
dạy

Nguyên nhân có các
khổ

Tham dục là cội gốc

Who are deeply attached to the
cause of suffering,

Unable to leave if for even a
moment,

For their sakes

I expediently speak of the Way,

The cause of all suffering

Is rooted in desire.



Nếu dứt được tham dục

Khổ không chỗ nương
đỡ

Dứt hết hẳn các khổ

Gọi là đế thứ ba

Vì chúng diệt-đế vậy

Mà tu hành đạo-đế

Lìa hết các khổ phược

If one extinguishes greed and
desire,

Suffering has nothing to rest upon.

The extinction of all suffering

Is called the third truth.

For the sake of the truth of

Quiescence,

One cultivates the Way;

Leaving all suffering's bonds



Gọi đó là giải thoát

Người đó nơi pháp gì

Mà nói được giải thoát?

Chỉ xa rời hy vọng

Gọi đó là giải thoát

Kỳ thực chưa phải được

Giải thoát hẳn tất cả

Đức Phật nói người đó

Is called the attainment of liberation.

From what is it

That these people have been liberated?

The mere separation from the false
Is called liberation.

In reality they have not yet
Attained total liberation.

The Buddha says that these people



Chưa phải thật diệt độ

Vì người đó chưa được
Đạo quả vô thượng vậy.

Ý của ta không muốn

Cho đó đến diệt độ,

Ta là đấng Pháp-vương

Tự tại nơi các Pháp

Vì an ổn chúng sanh

Have not yet truly reached
Quiescence,

Because they have not yet attained
The Unsurpassed Way.

It is not my wish

To lead them to Quiescence.

I am the Dharma King,

At ease within all the Dharmas.

To bring peace and tranquility to
living beings.



Nên hiện ra nơi đời.

Xá-Lợi-Phất phải biết
Pháp ấn của ta đây

Vì muốn làm lợi ích
Cho thế gian nên nói

Tại chỗ ông đi qua
Chớ có vọng tuyên
truyền.

Nếu có người nghe đến

I manifest within this world

Shariputra! This Dharma Seal of
mine

Is spoken because I wish to benefit
the world.

Wherever you roam, do not
propagate it wrongly.

If there be those who hear it,



Tùy hỷ kính nhận lấy

Phải biết rằng người ấy
Là bậc bất-thối-chuyên
Nếu có người tin nhận
Kinh pháp vô thượng
này.

Thời người đó đã từng
Thấy các Phật quá khứ

And rejoice, receiving it atop their
crowns,

You should know that such people
Are Avaivartika.

Those who believe and accept
The Dharma of this Sutra,

These people have already seen
The Buddhas of the past,



Cung kính và cúng
dường
Cũng được nghe pháp
này.
Nếu người nào có thể
Tin chịu lời ông nói
Thời chính là thấy Ta
Cũng là thấy nơi ông
Cùng các chúng Tỳ-
kheo

Reverently making offerings,
And hearing this Dharma as well.
Those who are able
To believe what you say,
They then see me,
And they see you,
And also the Bhikshusangha,



Và các hàng Bồ-Tát.

33. Phật vì người trí sâu

Nói kinh Pháp-Hoa này

Kẻ thức cạn nghe đến

Mê lầm không hiểu
được.

As well as all the Bodhisattvas.

33. This Sutra of the Dharma
Flower

Is spoken for those of profound
wisdom;

When those of shallow
understanding hear it,

Confused and deluded, they fail to
understand it.



Tất cả hàng Thanh-văn
Cùng với Bích-chi-Phật
Ở trong kinh pháp này
Sức kia không hiểu
được.

Chính ông Xá-Lợi-Phất
Hãy còn nơi kinh này
Dùng lòng tin được vào
Huống là Thanh-văn
khác.

The Hearers, everyone,
And the Pratyeka Buddhas,
Find the contents of this Sutra
Far beyond their powers.

You, Shariputra,
Gained entry to this Sutra
By means of faith.
How much more so other Hearers.



Bao nhiêu Thanh-văn
khác

Do tin theo lời Phật

Mà tùy thuận kinh này
Chẳng phải trí của
mình.

34. Lại này Xá-Lợi-
Phất!

Those Hearers,

Because of their faith in the
Buddha's words,

Comply with this Sutra.

But it is beyond the range of their
own wisdom.

34. Further, Shariputra



Kẻ kiêu mạn biếng lười
Vọng so chấp lấy ngã

Chớ vì nói kinh này,
Hạng phàm phu biết cạn

Quá mê năm món dục
Nghe pháp không hiểu
được

Cũng chẳng nên vì nói.

To the arrogant and lazy
And those who reckon the view of
self,

Do not speak this Sutra.

Common folk of shallow
understanding,

Deeply attached to the five desires,
Hearing it, will fail to understand;

Do not speak it to them, either.



Nếu có người không tin
Khinh hủy chê kinh này
Thời là dứt tất cả
Giống Phật ở thế gian.
Nếu có người sù mặt
Mà ôm lòng nghi hoặc
Ông nên lắng nghe nói
Tội báo của người đó

If there be those who do not
believe,
And who slander this Sutra,
They thereby sever all
Worldly Buddha seeds.
Or if, with a scowl,
They harbor doubts and delusions
You should listen now,
As I speak of their offense-
retribution:



Hoặc Phật còn tại thế
Hoặc sau khi diệt độ
Nếu có người chê bai
Kinh điển như thế này
Thấy có người đọc tụng
Biên chép thọ trì kinh
Rồi khinh tiện ghét
ghen
Mà ôm lòng kết hờn
Tội báo của người đó

Whether a Buddha is in the world,
Or has entered into Quiescence.
If there be those who slander
A Sutra such as this one,
Who, seeing others read or recite it,
Copy it out or uphold it,
Scorn, despise, hate and envy them,
And harbor grudges against them,
As to their offense retribution,



Ông nay lại lóng nghe.
Người đó khi mạng
chung
Sa vào ngục A-tỳ
Đầy đủ một kiếp chẵn
Kiếp mãn hết lại sanh
Cứ xoay vần như thế
Nhấn đến vô số kiếp.
Từ trong địa ngục ra

Listen now, once again:
These people at life's end
Will enter the Avichi Hell
For an entire aeon.
At the aeon's end, born there again,
In this way they will revolve,
Through uncountable aeons.
When they escape from the hells,



Sẽ đọa vào súc sanh,
Hoặc làm chó, dã-can
Thân thể nó ốm gầy
Đen điu thêm ghẻ lác
Bị người thường chọc
ghẹo
Lại còn phải bị người
Gớm nhòm và ghét rẻ

They shall take the bodies of
animals,
Such as dogs or Yeh Kan,
Tall and emaciated,
Mottled, black and scabbed,
Repulsive to others.

Further, by human beings,
They will be hated and scorned;



Thường ngày đói khát
khô

Xương thịt đều khô
khan,

Lúc sống chịu khổ sở

Chết bị ném gói đá

Vì đoạn mất giống Phật

Always suffering from hunger and
thirst,

Their bones and flesh will be
withered up.

During their lives they will be
pricked by poisonous thorns;

When dead they will be buried
under tiles and stones.

They suffer this offense retribution,



Nên thọ tội báo đó

Hoặc sanh làm lạc đà

Hoặc sanh vào loài lừa

Thân thường mang kéo
nặng

Lại thêm bị đánh đập

Chỉ nhớ tưởng: nước, cỏ

Ngoài ra không biết gì

Vì khinh chê kinh này

Because they have severed their
Buddha seeds.

They may become camels

Or they may be born among asses,

Always carrying heavy burdens

And beaten with sticks and whips,

Thinking only of water and grass,

And knowing nothing else.

They suffer retribution such as this



Mà mắc tội như vậy
Có khi làm dã-can
Đi vào trong xóm làng
Thân thể đầy ghẻ lác

Lại chột hết một mắt
Bị bọn trẻ nhỏ vây
Theo đánh đập liệng
ném

Chịu nhiều các đau khổ

Because of slandering this Sutra.
Some may become Yeh Kan,
Entering villages,
Their bodies covered with scabs
and sores,
And also missing an eye,
Beaten and stoned
By young children,
Undergoing all this pain,



Hoặc có lúc phải chết
Ở đây vừa chết rồi
Liền lại thọ thân rắn

Thân thể nó dài lớn
Đến năm trăm do tuần
Điếc ngậy và không
chân
Lăn lóc đi bằng bụng

Even to the point of death.
Having died in this manner
They are then reborn as huge
serpents,
Their bodies as long
As five hundred yojanas.
Deaf and stupid, without feet,

They writhe about on their
stomachs,



Bị các loài trùng nhỏ
Cắn rúc ăn thịt máu
Bị khổ cả ngày đêm
Không tạm có ngừng
nghỉ
Vì khinh chê kinh này
Mà mắc tội như vậy.
Nếu được sanh làm
người
Các căn đều ám độn

Stung and eaten
By many small insects.
Undergoing suffering day and night
Without respite,

They suffer such retribution
For having slandered this Sutra.
If they become humans,

All their faculties are dim and dull.



Lùn xấu lại lệch què
Đui điếc thêm lưng gù
Có nói ra lời gì
Mọi người không tin
nhận
Hơi miệng thường hôi
thối
Bị quý mị dựa nhập
Nghèo cùng rất hèn hạ
Bị người sai khiến luôn,

They are squat, ugly, palsied, lame,
Blind, deaf and hunchbacked.
Whatever they may say,
People will not believe them.
Their breath ever stinking,
They will be possessed by ghosts,
Poor and lowly,
The servants of others,



Nhiều bệnh thân ốm gầy
Không có chỗ cậy nhờ
Dù nương gần với
người
Mà người chẳng để ý
Nếu có được điều chi
Thời liền lại quên mất,
Nếu học qua nghề thuốc

Always sick and emaciated,
With no one to rely upon.
Although they may draw near to
others,
Others will never think of them.
If they should gain something
They will quickly forget and lose it.
Should they study the ways of
medicine,



Theo đúng phép trị bệnh

Mà bệnh người nặng
thêm

Hoặc có khi đến chết,

Nếu tự mình có bệnh

Không người chữa lành
được

Dù có uống thuốc hay

Following the prescription to cure
illness,

They will only make other's
illnesses worse.

Even to the point of death.

If they get sick themselves,

No one will try to save or cure
them.

Although they take good medicine,



Mà bệnh càng thêm
nặng,
Hoặc người khác phản
nghịch
Cướp giết trộm lấy của
Các tội dường thế đó
Lại tự mang vạ lây.

Những người tội như
đây

It will only increase their pains.

If they meet with rebellion,

They will be plundered and robbed.

People with such offenses,

Will perversely be subject to such
misfortunes,

Offenders such as these



Trọn không thấy được
Phật

Là vua trong hàng

Thánh

Thường nói pháp giáo
hóa

Những người tội như
đây

Thường sanh chỗ hoạn
nạn

Will never see the Buddha,

The King among the sagely hosts,

Speaking the Dharma, teaching and
transforming.

Offenders such as these

Will always be born in difficult
circumstances.



Tâm cuồng loạn, tai
điếc

Trọn không nghe pháp
được,

Trải qua vô số kiếp
Như số cát sông Hằng
Sanh ra liền điếc câm
Các căn chẳng đầy đủ
Thường ở trong địa
ngục

Insane, deaf, with mind confused,

They will never hear the Dharma.

Throughout eons as countless
As the Ganges river's sands,
They will be born deaf and dumb,
With all their faculties incomplete;
They will always dwell in the hells,



Như dạo chơi vườn nhà,

Ở tại các đạo khác

Như ở nhà cửa mình

Lạc đà, lừa, lợn, chó

Là chỗ kia thường đi

Vì khinh chê kinh này

Mắc tội dường thế đó.

Roaming there as if in pleasure
gardens,

Or born in the other evil paths,

Which they will take as their house
and home.

Among camels, asses, pigs and
dogs--

These are the places they will walk,

They undergo such retribution,

Because of slandering this Sutra.



Nếu được sanh làm
người

Điếc, đui lại câm, ngọng
Nghèo cùng các tướng
suy

Dùng đó tự trang
nghiêm.

Sung bủng bệnh khô
khát

Ghẻ, lác, cùng ung thư

If they become humans,

They will be deaf, blind and dumb,
Poor and decrepit,

Yet adorning themselves therewith.

Swollen with water, or else
dehydrated,

With scabs and boils,



Các bệnh như trên đó
Dùng làm y phục mặc,
Thân thể thường hôi
hám
Nhờ nhờn không hề
sạch
Lòng chấp ngã sâu chặt
Thêm nhiều tánh giận
hờn
Tình dâm dục hỷ hưng

And other such illnesses,
They will clothe themselves.
Their bodies will always stink
Of filth and impurity.
Deeply attached to the view of self,
Their hatred shall only increase.
Ablaze with sexual desire,



Đến chẳng chừa cầm thú,
Vì khinh chê kinh này
Mắc tội dường thế đó.

35. Bảo cho Xá-Lợi-Phất!

Người khinh chê kinh này
Nếu kể nói tội kia

They are no different than birds or beasts.

They will suffer such retribution
For having slandered this Sutra.

35. I tell you, Shariputra,

Were I to speak of the offenses

Of those who slander this Sutra,



Cùng kiếp cũng chẳng
hết

Vì bởi nhân duyên đó
Ta vẫn bảo các ông
Trong nhóm người vô
trí

Chớ nên nói kinh này

Nếu có người lợi căn

I would not finish to the end of an
aeon.

For these reasons,
I expressly tell you,
Do not speak this Sutra

Among those who have no
wisdom.

If there are those with keen
faculties,



Sức trí huệ sáng láng

Học rộng và nhớ dai

Lòng mong cầu Phật
đạo

Những hạng người như
thế

Mới nên vì đó nói

And wisdom which clearly
comprehends,

With much learning and a strong
memory,

Who seek the Buddha's Path,

For people such as these,

You may speak it.



Nếu có người đã từng

Thấy trăm nghìn ức

Phật

Trông các cội đức lành

Thâm tâm rất bền vững

Hạng người được như
thế

Mới nên vì đó nói.

If there are those who have seen in
the past

Hundreds of thousands of millions
of Buddhas,

Who have planted wholesome
roots,

Who have deep and firm minds,

For people such as these,

You may speak it.



Nếu có người tinh tấn
Thường tu tập lòng từ

Chẳng hề tiếc thân
mạng

Mới nên vì đó nói

Nếu có người cung kính
Không có sanh lòng
khác

If there are those who are vigorous,
Ever cultivating minds of
compassion,

Not sparing body or life,

For them you may speak it.

If there are those who are reverent,
Without any other thoughts,



Lìa xa các phàm phu

Ở riêng trong núi thẳm

Những hạng người như
thế

Mới nên vì đó nói

Lại Xá-Lợi-Phất này!

Nếu thấy có người nào

Who have left the common stupid
folk,

Who dwell alone in mountains and
marshes,

For people such as these

You may speak it.

Further, Shariputra,

If you see people



Rời bỏ ác tri-thức

Gần gũi bạn hiền lành
Người được như thế ấy
Mới nên vì đó nói.

Nếu thấy hàng Phật tử
Giữ giới hạnh trong
sạch

Như minh châu sáng
sạch

Who have cast aside bad knowing
advisors,

And draw near to good friends,
For people such as these,
You may speak it.

If you see disciples of the Buddha,
Holding precepts as purely,

As pure, bright jewels,



Ham cầu kinh Đại thừa
Những người được như
thế

Mới nên vì đó nói.

Nếu người không lòng
giận

Chắc thật ý dịu hòa

Thường thương xót mọi
loài

seeking the Great Vehicle Sutra

For people such as these,

You may speak it.

If there are those who have no
hatred,

Who are straightforward and
gentle,

Always merciful to all beings,



Cung kính các đức Phật
Hạng người tốt như thế
Mới nên vì đó nói.

Lại có hàng Phật tử

Ở tại trong đại chúng
Thuần dùng lòng thanh
tịnh

Các món nhân cùng
duyên

And reverent of all Buddhas,
For people such as these,
You may speak it.

Further, if there are Buddha's
disciples,

Who in the great assembly,
With minds clear and pure,

Use various causal conditions,



Thí dụ và lời lẽ
Nói pháp không chướng
ngại
Những người như thế ấy
Mới nên vì đó nói
Nếu có vị Tỳ-kheo
Vì cầu nhứt-thiết-trí
Khắp bốn phương cầu
pháp

Parables and phrases,
To speak the Dharma without
obstruction,
For people such as these,
You may speak it.
If there are Bhikshus,
Who, for the sake of all-wisdom,
Seek the Dharma in the four
directions,



Chấp tay cung kính thọ

Chỉ ưa muốn thọ trì

Kinh điển về Đại-thừa

Nhẫn đến không hề thọ

Một bài kệ kinh khác

Hạng người được như

thế

Mới nên vì đó nói.

With palms together, receiving it
atop the crown,

Who delight only in receiving and
upholding

The canon of Great Vehicle Sutras,

Refusing to accept so much

As a single line from another
scripture,

For people such as these,

You may speak it.



Như có người chí tâm

Cầu xá-lợi của Phật
Cầu kinh cũng như thế
Được rồi đánh lễ thọ

Người đó chẳng còn lại
Có lòng cầu kinh khác
Cũng chưa từng nghĩ
tưởng

If there be those who, with mind
intent,
Seek the Buddha's sharira,
Or who likewise seek the Sutras,
And attaining them hold them atop
their crowns,
Such people will never again
Resolve to seek other Sutras,
Nor ever have the thought



Đến sách vở ngoại đạo

Người được như thế ấy
Mới nên vì đó nói.

Bảo cùng Xá-Lợi-Phất!

Ta nói các sự tướng

Của người cầu Phật đạo

To seek the writings of outside
ways,

For people such as these,
You may speak it.

I tell you, Shariputra,

Were I to speak of the
characteristics

Of those who seek the Buddha's
Path,



Cùng kiếp cũng chẳng
hết

Những người như thế
đó

Thời có thể tin hiểu
Ông nên vì họ nói

Kinh Diệu-Pháp Liên-
Hoa.

Exhausting aeons, I would not
finish.

People such as these

Can believe and understand,
And for their sake you should
speak

The Wonderful Dharma Lotus
Flower Sutra.



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 2

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume II

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

KINH DIỆU PHÁP
LIÊN HOA
PHẨM “TÍN GIẢI”
THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, các Ngài
Tuệ-Mệnh Tu-Bồ-Đề,
Đại Ca-Chiên-Diên, Đại
Ca-Diếp, Đại Mục-

LOTUS SUTRA

Chapter 4:
Belief and Understanding

1. At that time the wise and long-
lived Subhuti, Mahakatyayana,
Mahakashyapa,
Mahamaudgalyayana, having heard



Kiên-Liên, từ nơi Phật
được nghe pháp chưa
từng có. Đức Thế-Tôn
dự ghi cho Ngài Xá-Lợi-
Phất sẽ thành vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác,
sanh lòng hy hữu hơn hờ
vui mừng, liền từ chỗ
ngồi đứng dậy sửa y
phục trịch bày vai hữu,

from the Buddha, Dharma such as
they had never heard before, the
bestowal of the prediction of
anuttarasamyaksambodhi upon
Shariputra, felt it very rare.
They rose from their seats, jumped
for joy, straightened their robes,
bared their right shoulders, placed
their right knees on the ground,
single-mindedly put their palms



gối hữu chấ²m đấ²t, một
lòng chấ²p tay cúi mình
cung kính chiêm ngưỡ²ng
dung nhan Phật mà bạch
cùng Phật rằng: “Chúng
con đứng đầu trong hàng
Tăng, tuổi đều già lụn,
tự cho đã đượ²c Niết-bàn
không kham nhiệm gì
nữa, chẳng còn thắ²ng

together, inclined themselves
respectfully, gazed at the honored
countenance and spoke to the
Buddha, saying, “We, who dwell at
the head of the Sangha and are
advanced in years, told ourselves
that we had already attained
Nirvana and had no further
responsibility, and we did not go



cầu thêm đạo vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác”.

Đức Thế-Tôn thuở trước
nói pháp đã lâu, lúc đó
chúng con ngồi nơi toà
thân thể mỗi mệt, chỉ
nhớ nghĩ ba pháp:
Không, vô tướng, vô tác,
đôi với các pháp du hý

forward to seek
anuttarasamyaksambodhi.”

“The World Honored One has,
from of old, been speaking the
Dharma for a long time. Sitting
here all this time, our bodies tired,
we have merely been mindful of
emptiness, signlessness, and
wishlessness, taking no delight in



thần thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ-Tát, lòng chúng con không ưa thích.

Vì sao? Đức Thế-Tôn khiến chúng con ra khỏi ba cõi được chứng Niết-bàn, lại nay đây chúng

the Bodhisattva Dharmas, in their spiritual penetrations of playfulness, in their purification of Buddhalands, or in their maturation of living beings.”

“What is the reason? The World Honored One has led us to escape the Three Realms and attain certification to Nirvana. Besides,



con tuổi đã già nua ở nơi
đạo vô-thượng chánh-
đẳng chánh-giác của
Phật dạy Bồ-Tát không
hề sanh một niệm ưa
thích. Chúng con hôm
nay ở trước Phật nghe
thọ ký cho Thanh-văn sẽ
được vô-thượng chánh-
đẳng chánh-giác, lòng

we are now advanced in years and
when the Buddha taught the
Bodhisattvas of
anuttarasamyaksambodhi we did
not give rise to even a single
thought of longing for it.” “Now, in
the presence of the Buddha, having
heard him bestow upon the Hearers
the anuttarasamyaksambodhi
prediction, our hearts rejoice



rất vui mừng được pháp
chưa từng có,
chẳng ngờ hôm nay
bỗng nhiên được pháp
hy hữu,
tự rất mừng may được
lợi lành lớn,
vô lượng trân báu chẳng
tìm cầu mà tự được.

enthusiastically and we obtain what
we never have had.

We never thought that now we
would suddenly be able to hear this
rare Dharma.

We rejoice profoundly, having
gained great and good benefit.”

“It is as if, without our seeking
them, limitless precious gems had
come into our possession.”



2. Thế-Tôn! Chúng con hôm nay xin nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó.

Thí như có người tuổi thơ bé, bỏ cha trốn đi qua ở lâu nơi nước khác, hoặc mười, hai mươi đến năm mươi năm; người đó tuổi đã lớn lại

2. “World Honored One, we would now like to speak a parable to clarify this principle.”

“It is as if there were a person who, in his youth, left his father and ran away, dwelling long in another country, perhaps ten, twenty or even fifty years.” “As he grew older, he became poor and needy



thêm nghèo cùng khổ
khô, dong ruổi bốn
phương để cầu đồ mặc
vật ăn, dạo đi lần lần
tình cờ về bốn quốc.

Người cha từ trước đến
nay, tìm con không được
bèn ở lại tại một thành
trong nước đó. Nhà ông

and ran about in the four directions
in search of clothing and food.
Gradually he wandered until he
accidentally approached his native
land.”

“His father, from the first, had set
out seeking his son but in vain. He
settled midway in a city. His
household was one of great wealth,



giàu lớn của báu vô
lượng, các kho đụn,
vàng, bạc, lưu ly, san-
hô, hổ-phách, pha lê,
châu ngọc v.v... thảy đều
đầy tràn; tôi tớ, thần tá,
lại dân rất đông, voi,
ngựa, xe cộ bò dê nhiều
vô số. Cho vay thâu vào
lời lãi khắp đến nước

with limitless wealth and jewels,
gold, silver, lapis lazuli, coral,
amber, crystal, pearls, and other
jewels. His granaries and treasuries
were overflowing, and he had
many servants, ministers and
assistants, as well as countless
elephants, horses, carriages, cattle,
and sheep. The profits from his
trade extended to the other



khác, khách thương
buôn bán cũng rất đông
nhiều.

Bấy giờ, gã nghèo kia
đạo đến các tụ lạc, trải
qua xóm làng, lần hồi
đến nơi thành của người
cha ở.

countries, and there were also
many traders and merchants.”

“Then the poor son, having
wandered through various villages
and passed through countries and
cities, at last reached the city where
his father had settled.”



Người cha hằng nhớ con, cùng con biệt ly hơn năm mươi năm mà ông vẫn chưa từng đối với người nói việc như thế, chỉ tự suy nghĩ lòng rất ăn năn. Ông tự nghĩ già nua và có nhiều của cải, vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy, không

“The father had always been mindful of his son. Although they had been separated for over fifty years, he had never spoken of the matter to anyone, but merely pondered over it, his heart filled with regret, as he thought, ‘I am old and decrepit. I have much wealth: gold, silver, and precious gems, granaries and storehouses filled to



có con cái, một mai mà chết mất thì của cải tản thất không người giao phó. Cho nên ân cần luôn nhớ đến con. Ông lại nghĩ: Nếu ta gặp được con ủy phó của cải, thân nhiên khoái lạc không còn sầu lo.

overflowing. Such a pity that I have no son! One day I'm bound to die, and when I do, my wealth will be scattered and lost, for I have no one to bequeath them to.' This is why he ever earnestly thought of his son. 'If I could only get my son back, I'd make him heir to my wealth. I'd be contented and happy and have no further worries.'”



3. Thừa Thế-Tôn! Bấy giờ gã cùng tử làm thuê làm mướn lần hồi tình cờ đến nhà người cha bèn đứng lại bên cửa, xa thấy cha ngồi giường sư tử, ghé bấu đỡ chân, các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Cư-sĩ đều cung kính

3. “World Honored One, the poor son then, hiring himself as a laborer here and there, unexpectedly arrived at his father’s house. Standing by the gate, he saw his father seated on a Lion-seat. His feet were resting on a jeweled footstool, and he was reverently surrounded by Brahmans,



bao quanh. Trên thân ông đó dùng chuỗi ngọc chân châu giá trị nghìn vạn để trang nghiêm, kẻ lại dân tôi tứ tay cầm phát trần trắng đứng hầu hai bên. Màn báu che trên, những phan đẹp thòng xuống, nước thơm rưới đất, rải các thứ

Kshatriyas, and laypeople. Necklaces of pearls, their value in the millions, adorned his body. Attendants and servants, holding white whisks, waited on him right and left. Above him was a jeweled canopy hung with flowers and pennants. Fragrant water was sprinkled on the ground, and expensive flowers were scattered



đanh hoa, các vật báu
chung bày, phát ra, thâu
vào, lấy, cho v.v... có
các sự nghiêm sức
đường ấy, uy đức rất tôn
trọng.

Gã cùng tử thấy cha có
thế lực lớn liền sanh
lòng lo sợ, hồi hận về

about. Precious objects were placed
in rows, which were passed out and
taken in on leaving and entering.
Such were the adornments, and the
majesty and authority of his
awesome virtue.

When the poor son saw his father,
possessed of such great power, he
was immediately afraid and



việc đến nhà này, nó
thăm nghĩ rằng: “Ông
này chắc là vua, hoặc là
bậc đồng vua, chẳng
phải là chỗ của ta làm
thuê mướn được tiền
vật.

Chẳng bằng ta qua đến
xóm nghèo có chỗ cho
ta ra sức dễ được đồ mặc

regretted having come there.
Secretly he thought, ‘This is
perhaps a king, or one equal to a
king. This is no place for me to hire
myself out.

I’d better go to a poor village
where there will be room for me to
work and where I can easily obtain



vật ăn, nếu như ta đứng lâu ở đây hoặc rồi họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm”. Gã nghĩ như thế rồi, liền chạy mau đi thẳng.

4. Khi đó, ông Trưởng-giả ngồi nơi tòa sư tử thấy con bèn nhớ biết, lòng rất vui mừng mà tự

clothing and food. If I stay here any longer, I may be forced to work.’ And with this thought, he quickly ran off.”

4. “Then the wealthy elder, seated on the Lion-seat, seeing his son, recognized him and his heart rejoiced greatly, as he thought, ‘I



nghĩ rằng: “Của cải kho tàng của ta nay đã có người giao phó rồi, ta thường nghĩ nhớ đứa con này làm sao gặp được, nay bỗng nó tự đến rất vừa chỗ muốn của ta, ta tuy tuổi già còn vẫn tham tiếc”.

now have someone to whom I can bequeath my wealth and treasures. I have constantly been mindful of my son but had no way of seeing him. Then, all of a sudden, he came on his own, and my wish has been fulfilled. Although I am old and decrepit I still longed for him with regret.””



Ông liền sai người hầu
cận đuổi gấp theo bắt
lại.

Lúc ấy, kẻ sứ giả chạy
mau qua bắt, gã cùng tử
kinh ngạc lớn tiếng kêu
oan: “Tôi không hề xúc
phạm, có sao lại bị bắt?”
Kẻ sứ giả bắt nó càng

He then sent attendants to follow
him and bring him back.

Thereupon, the servants quickly
apprehended him. The poor son in
alarm shouted in resentment, “I
have committed no offense. Why
have I been seized?” The servants,
with even greater haste, grabbed



gấp cường dắt đem về.
Khi đó gã cùng tử tự
nghĩ không tội chi mà bị
bắt bớ đây chắc định
phải chết, lại càng sợ sệt
mê ngất ngã xuống đất.

Người cha xa thấy vậy
bèn nói với kẻ sứ giả

him and dragged him back. The
poor son thought to himself. ‘I am
blameless and yet have been
imprisoned. This surely means that
I will die,’ and, even more
frightened, he fainted and fell to the
ground.”

“The father saw his son from afar
and said to the servant, “I do not



rằng: “Không cần người đó, chớ cưỡng đem đến, lấy nước lạnh rưới trên mặt cho nó tỉnh lại đừng nói chi với nó”. Vì sao? Cha biết con mình ý chí hạ liệt, tự biết mình giàu sang làm cho con khiếp sợ. Biết chắc là con rồi mà dùng phương tiện

need this person. Do not force him to come along. Sprinkle cold water on his face to bring him to, but do not speak further with him” Why was this? The father knew that his son’s resolve and will were inferior and lowly, and that his own nobility was a source of difficulty to his son. Therefore, although he was certain that this was his son, he



chẳng nói với người
khác biết là con mình.
Kẻ sứ giả nói với cùng
tử: “Nay ta thả người đi
đâu tùy ý”.

Gã cùng tử vui mừng
được điều chưa từng có,
từ dưới đất đứng dậy,

expediently refrained from telling
anyone, “This is my son.” The
servant said to the son, “I now set
you free. You may go wherever
you wish.”

The poor son was delighted, having
gained what he had never had
before. He rose from the ground



qua đến xóm nghèo để tìm cầu sự ăn mặc.

5. Bảy giờ ông Trưởng-giả toan muốn dụ dẫn người con mà bày chức phương tiện, mật sai hai người, hình sắc tiều tụy không có oai đức: Hai người nên qua xóm kia

and went to a poor village to seek clothing and food.”

5. “Then the elder, wishing to induce his son, set up an expedient and secretly sent two people, haggard and undignified in appearance, saying to them, “You may go there and gently speak to that poor one. Tell him there is a



từ từ nói với gã cùng tử,
nơi đây có chỗ làm trả
giá gấp bội. Gã cùng tử
nếu chịu thời dặt về đây
khiến làm. Nếu nó có
hỏi muốn sai làm gì?
Thì nên nói với nó rằng:
“Thuê người hốt phân,
chúng ta hai người cũng
cùng người chung nhau

place for him to work here where
he can earn twice as much. If he
agrees, bring him back and put him
to work. If he asks what he is to do,
tell him, ‘You are being hired to
sweep out dung. We two will work
along with you.’”



làm”. Khi đó hai người sứ liền tìm gã cùng tử, rồi thuật đủ việc như trên.

6. Bảy giờ gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả liền đến hốt phân. Người cha thấy con, thương xót và quái lạ. Lại một ngày

Then the two servants sought out the poor son, and when they found him, they told him the above matter in detail.

6. “At that time the poor son first took his salary and then joined them in sweeping away the dung. When the father saw his son, he felt pity and amazement.” “Later, on



khác ông ở trong cửa sổ xa thấy con ốm o tiều tụy, phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch. Ông liền cởi chuỗi ngọc, áo tốt mịn màng cùng đồ trang sức, lại mặc áo thô rách trỉn dơ, bụi đất lấm thân, tay mặt cầm đồ hốt phân, bộ dạng đáng nể

another day, through a window, he saw his son at a distance, thin, haggard, soiled with dung, dirt, and filth.” “He then removed his necklace of beads, his soft upper garments, and his adornments and put on a coarse, worn out, and filthy robe, smeared himself with dirt and holding a dung shovel,



sợ, bảo những người làm rằng: “Các người phải siêng làm việc chớ nên lười nhể!” Dùng phương tiện đó được đến gần người con.

Lúc sau lại bảo con rằng: “Gã nam tử này! Người thường làm ở đây

looking frightful he addressed his workers, saying:

“All of you, work hard! Do not be lax.”

By this device he draws near to his son,

to whom he later says, “Hey, my boy! You should stay here and work. Don’t go elsewhere. I will



đừng lại đi nơi khác, ta sẽ trả thêm giá cho người; những đồ cần dùng như loại bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm, người chớ tự nghi ngại. Cũng có kẻ tở già hèn hạ, nếu cần ta cấp cho, nên phải an lòng, ta như cha của người chớ có

increase your wages. Whatever you need, be it pots, utensils, rice, flour, salt or vinegar or other such things, don't trouble yourself about it. I also have an old, worn-out servant you can have if you need him. So put your mind at rest. I am like your father, so have no more worries.



sầu lo”.

Vì sao? Vì ta tuổi tác già lớn mà người thì trẻ mạnh, người thường trong lúc làm việc không lòng dối khi trễ nãi giận hờn nói lời thán oán, đều không thấy người có các điều xấu đó như các

Why? I am very old, and you are young and strong.

Whenever you are working, you are never deceitful, remiss, angry, hateful, or grumbling.

I have never seen you commit such evils as I have other workers.



người làm công khác.
Từ ngày nay nhĩn sau
như con đẽ của ta. Tức
thời Trưởng-giả lại đặt
tên cho cùng tử gọi đó là
“con”. Khi đó gã cùng
tử, dầu mừng việc tình
cờ đó song vẫn còn tự
cho mình là khách, là
người làm công hèn, vì

From now on you shall be just like
my own son.” “Just then the elder
gave him a name, calling him his
son.

The poor son, although delighted at
this happening, still referred to
himself as a lowly worker from
outside. For this reason, for twenty



cớ đó mà trong hai mươi năm thường sai hốt phân, sau đó lòng già mới lần thể tin ra vào không ngại sợ, nhưng chỗ già ở cũng vẫn nguyên chỗ cũ.

7. Thế-Tôn! Bảy giờ Trưởng-giả có bệnh, tự

years he was constantly kept at work sweeping away dung.”

“After this, they trusted one another, and he came and went without difficulty.

However, he still stayed in the same place as before.”

7. “World Honored One: At that time, the elder grew sick and knew



biết mình không bao lâu sẽ chết mới bảo cùng tử rằng: “Ta nay rất nhiều vàng bạc, trân, báu, kho đụn tràn đầy, trong đó nhiều ít chỗ đáng xài dùng người phải biết hết đó. Lòng ta như thế, người nên thể theo ý ta.

he would die before long. He said to the poor son, “I now possess much gold, silver, and jewels, and my granaries and storehouses are filled to overflowing. You should know in detail their quantities and the amounts to be received and given. Such are my thoughts, and you should understand what I mean.



Vì sao? Nay ta cùng người bèn là không khác, nên gắng dụng tâm chớ để sót mất”.

Khi ấy cùng tử liền nhận lời bảo lãnh biết các của vật, vàng, bạc, trân, báu và các kho tàng, mà trọn không có ý mong lấy

What is the reason? You and I are now no different. You should be even more careful that nothing be lost.”

“At that time, the poor son, having received these instructions, took charge of all the goods, the gold, silver, and precious gems, as well as the granaries and storehouses,



của đấng chùng bữa ăn, chỗ của gã ở vẫn tại chỗ cũ, tâm chí hạ liệt cũng chưa bỏ được.

8. Lại trải qua ít lâu sau, cha biết ý chí con lần đã thông thái trọn nên chí lớn, tự chê tâm ngày trước. Đến giờ sắp chết,

and yet he did not long for so much as a single meal. He continued to stay in the same place, still unable to let go of his lowly thoughts.”

8. “After a short while, the father knew that his son had grown more relaxed, that he had accomplished the great resolve and despised his former state of mind. Knowing that



ông gọi người con đến và hội cả thân tộc, quốc-vương, quan đại-thần, dòng sát-lợi, hàng cư-sĩ, khi đã nhóm xong, ông liền tuyên bố rằng: “Các ngài nên rõ, người này là con ta, của ta sanh ra, ngày trước trong thành nọ, bỏ ta trốn đi, nổi trôi

his own end was near, he ordered his son to gather together all the relatives, kings, great ministers, Kshatriyas, and lay people. When they had all assembled, he spoke to them saying, “All of you gentlemen should know that this is my son, begotten by me. In a certain city, he left me and ran away to suffer desolation, poverty, and hardship



khổ sở, hơn năm mươi năm, nó vốn tên ấy, còn ta tên ấy. Xưa ta ở tại thành này lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây gặp được nó. Nó thật là con ta, ta thật là cha nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải, đều là của con ta có, trước đây

for over fifty years. His original name was such and such, and my name was such. Long ago, in my native city, I anxiously sought him. Suddenly, here, I have found him again! This is really my son. I am really his father. All of my wealth now belongs to my son, and all that has been paid out and taken in is known by him.”



của cái cho ra thâu vào,
con ta đây coi biết”.

Thế-Tôn! Khi đó gã
cùng tử nghe cha nói
như thế, liền rất vui
mừng được điều chưa
từng có, mà nghĩ rằng:
“Ta vốn không có lòng
mong cầu, nay kho tàng
báu này tự nhiên mà

“World Honored One, when the
poor son heard what his father had
said, he rejoiced greatly, having
obtained what he had never had,
and he thought, ‘Originally, I had
no thought to seek anything, and
now this treasury has come to me
of itself.’”



đến”.

9. Thế-Tôn! Ông phú
Trưởng-giả đó là đức
Như-Lai, còn chúng con
đều giống như con của
Phật. Đức Như-Lai
thường nói chúng con là
con.

9. “World Honored One, the great
and wealthy elder is the Thus
Come One. We are all like the
Buddha’s sons.” “The Thus Come
One always says that we are his
sons.”



Thưa Thế-Tôn! Chúng con vì ba món khổ (16) nên ở trong sanh tử chịu các sự đau đớn mê lầm không hiểu biết, ưa thích các pháp tiểu thừa. Ngày nay đức Thế-Tôn khiến chúng con suy nghĩ dọn trừ những phân dơ các pháp hý luận (17).

“World Honored One, because of the three kinds of suffering, we have suffered much torment in the midst of births and deaths. Deluded and ignorant, we clung to petty dharmas.” “Today, the World Honored One has caused us to think about getting rid of the dung of frivolous discussions of the Dharma.



Chúng con ở trong đó siêng gắng tinh tấn được đến Niết-bàn, cái giá một ngày. Đã được đây rồi lòng rất vui mừng tự cho là đủ, mà tự nói rằng: Ở trong pháp của Phật; do siêng năng tinh tấn nên chỗ được rộng nhiều.

We increased our vigor to earn one day's wage of Nirvana.

Having attained this, our hearts rejoiced greatly, and we were content, saying to ourselves that, through our diligence and vigor, what we had gained in the Buddhadharma was plentiful.”



Nhưng đức Thế-Tôn trước biết chúng con lòng ưa muốn sự hèn tẻ, ham nơi pháp tiểu thừa, chúng con bèn bị Phật buông bỏ chẳng vì phân biệt rằng: Các ông sẽ có phần bảo tàng tri kiến của Như-Lai.

“However, the World Honored One, knowing all along that our minds were attached to lowly desires and took delight in petty dharmas, let us go our own way and did not specify to us saying, ‘You are all to have a share in the treasury of the Thus Come One’s knowledge and vision.’”



Đức Thế-Tôn dùng sức phương tiện nói bày trí huệ của Như-Lai. Chúng con theo Phật được giá Niết-bàn một ngày, cho là được nhiều rồi, đối với pháp Đại-thừa này không có chí cầu. Chúng con lại nhân trí huệ của Phật, vì các vị Bồ-Tát

“The World Honored One, using the power of expedient devices, has spoken of the Thus Come One’s wisdom. Having gained from the Buddha the one day’s wage of Nirvana, we took it to be a great attainment; we had no ambition to seek the Great Vehicle. Besides, the wisdom of the Thus Come One had been set forth for the sake of



mà chỉ bày diễn nói,
nhưng chính tự mình lại
không có chí muốn nơi
pháp đó.

Vì sao? Đức Phật biết
chúng con ưa nơi pháp
tiểu thừa, nên dùng sức
phương tiện thuận theo
chúng con mà nói pháp,
chúng con không tự biết

the Bodhisattvas, and so we held no
expectations regarding it.

What is the reason? The Buddha
knew that our minds took delight in
petty dharmas. He used the power
of expedients to teach us in the
appropriate manner, and we did not
know that we were truly the



thật là Phật tử. Ngày nay chúng con mới biết đức Thế-Tôn ở nơi trí huệ của Phật không có lần tiếc.

Vì sao? Chúng con từ xưa đến nay thật là Phật tử mà chỉ ưa nơi pháp tiểu thừa, nếu chúng con có tâm ham Đại-thừa,

Buddha's sons.” “Now we know that the World Honored One is by no means ungenerous with the Buddha's wisdom.

Why? From of old, we truly have been the Buddha's sons, and yet we delighted only in petty dharmas. If we had thought to delight in the great, the Buddha would then have



thì Phật vì chúng con mà nói pháp Đại-thừa. Ở trong kinh này chỉ nói pháp nhưt thừa. Lúc xưa đức Phật ở trước Bồ-Tát chê trách Thanh-văn ham pháp tiểu thừa. Nhưng đức Phật thực dùng Đại-thừa để giáo hóa, vì thế nên chúng

spoken for us the Great Vehicle Dharma. This Sutra speaks of only One Vehicle. In the past, in the presence of the Bodhisattvas, the Buddha had belittled the Hearers who delight in lesser dharmas, but he was actually employing the Great Vehicle in teaching and transforming them.” “Therefore, we say that originally we had not



con nói vốn không có lòng mong cầu mà nay báu lớn của đấng Pháp-vương tự nhiên đến, như chỗ nên được của Phật tử đều đã được đó.

Bấy giờ ngài Ma-ha Ca-Diếp muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ

hoped for or sought anything, and yet now these great jewels of the Dharma King have come to us of themselves. That which the Buddha's sons should attain, we have already attained.”

At that time, Mahakashyapa, wishing to restate this meaning, spoke verses, saying,



rằng:

10. Chúng con ngày
hôm nay
Nghe âm giáo của Phật

Lòng hớn hờ mừng rỡ
Được pháp chưa từng
có.

10. “We, on this day,

Hearing the sound of the Buddha’s
teaching,
Jump for joy!
Gaining what we never had.



Phật nói hàng Thanh-
văn

Sẽ được thành quả Phật

Đông châu báu vô
thượng

Chẳng cầu tự nhiên
được.

Ví như gã đồng tử

Thơ bé không hiểu biết

The Buddha says that Hearers,

Shall become Buddhas in the
future.

A cluster of supreme gems,

We have gained, without our
seeking.

It is like a youth,

Who, young and ignorant,



Bỏ cha trốn chạy đi
Đến cõi nước xa khác
Nổi trôi khắp nước
ngoài

Hơn năm mươi năm dài
Cha già lòng buồn nhớ
Kiếm tìm khắp bốn
phương

Kiểm tìm đó đã mỗi
Liên ở lại một thành

Ran away from his father
To another distant land,
Roaming from country to country

For fifty years and more.

His father, worried about him,
Sought him in the four directions

Until, tired of the search,
He stopped in a certain city,



Xây dựng nên nhà cửa
Năm món dục
tự vui.

Nhà ông giàu có lớn

Nhiều những kho vàng,
bạc

Xa-cừ, ngọc mã-nã

Trân châu, ngọc lưu ly

Where he built himself a house
And amused himself with the five
desires.

His household was large and
wealthy,

With much gold and silver,

Mother-of-pearl, carnelian,
Real pearls, and lapis lazuli,



Voi ngựa cùng trâu dê

Kiệu, cán đũa xe cộ

Ruộng đất và tôi tớ

Nhân dân rất đông nhiều

Xuất nhập thâu lời lãi

Bèn khắp đến nước khác

Khách thương người

buôn bán

Elephants, horses, cattle, and
sheep,

Hand-drawn carts, palanquins, and
chariots,

Husbandmen and servants,

And a multitude of subjects.

The profits from his trade

Extended to the other countries.

Traders and merchants



Không xứ nào không có,
Nghìn muôn ức chúng
hội
Vây quanh cung kính
ông
Thường được bậc vua
chúa
Mến yêu nhớ tưởng đến,
Các quan, hạng hào tộc
Đều cũng đồng tôn trọng

Were present everywhere.
Multitudes in the hundreds of
millions
Surrounded him reverently.

And always, by kings,

He was cherished and remembered.
The ministers and noble clans
All honored him.



Vì có các sự duyên
Người tới lui
rất đông,
Giàu mạnh như thế đó
Có thể lực rất lớn
Mà tuổi đã
già nua
Lại càng buồn
nhớ con

For those reasons,
Those who came and went were
many.
Such was his nobility, wealth,
And his great authority.
But then, as he grew old and
decrepit,
He was filled with worry for his
son.



Ngày đêm luống suy
nghĩ
Giờ chết toan sắp đến
Con thơ đại bỏ ta
Hơn năm mươi năm
tròn,
Các của vật
kho tàng
Sẽ phải làm thế nào?

Morning and evening, his only
thought was,
“My time of death is drawing near.
My foolish son has left me now,
For over fifty years.

The things in my granaries and
store-houses,
Whatever shall I do with them?



11. Bảy giờ gã cùng tử
Đi tìm cầu ăn mặc
Áp này đến áp khác
Nước này sang nước nọ,
Hoặc có khi được của
Hoặc có lúc không
được,
Đói thiếu hình gầy gò
Thân thể sanh ghẻ lác.

11. Then the poor son,
Seeking clothing and food,
Went from city to city,
From country to country,
Sometimes getting something,
Sometimes getting nothing.

Starving, emaciated,
Covered with scabs,



Lần lựa đi
trải qua
Đến thành cha
gã ở
Xoay vắn làm thuê
mướn
Bèn đến trước
nhà cha.
Lúc ấy ông Trưởng-giả
Đang ở trong nhà ông

He went on his way until
eventually,
He arrived in the city where his
father lived.
Hiring himself out along the way,
He finally reached his father's
house.
At that time, the elder,
Within his gateway,



Giăng màn châu báu lớn
Ngồi tòa sư-tử cao
Hàng quyền thuộc vây
quanh
Đông người đứng hầu
hạ,
Hoặc có người tính toán
Vàng, bạc, cùng
vật báu
Của cải ra hoặc vào

Was covered by a large canopy,
And seated on a Lion-throne,
Surrounded by his retinue,

And various attendants.

Some of them were counting up
His gold, silver, and other
valuables.
His income and expenses were



Biên chép ghi giấy tờ.
Gã cùng tử thấy cha
Quá mạnh giàu tôn
nghiêm
Cho là vị quốc-vương
Hoặc là đồng bậc vua,
Kinh sợ tự trách thâm
Tại sao lại đến đây?
Lại thâm tự nghĩ rằng:
Nếu ta đứng đây lâu

Recorded there on ledgers.
When the poor son saw his father,
Of such nobility and wealth,

He said, “This must be a king,
Or the equal of a king.”
In fright, he reproved himself,
“Why have I come here?”
And further to himself, he said,
“If I stay here long,



Hoặc sẽ bị bức ngặt
Ép buộc sai khiến làm.

Suy nghĩ thế đó rồi
Rảo chạy mà đi thẳng

Hỏi thăm xóm nghèo
nàn

Muốn qua làm thuê
mướn.

12. Lúc bấy giờ Trưởng-
giả

I may be oppressed
And forced to go to work.”

Having had this thought,
He hurriedly ran off

To a poor village, asking

To be hired to work.

12. Just then, the elder,



Ngồi trên tòa sư-tử
Xa trông thấy con mình
Thâm lặng mà ghi nhớ,
Ông liền bảo kẻ sứ
Đuổi theo bắt đem về.
Gã cùng tử sợ kêu
Mê ngất ngã trên đất
Người này theo bắt tôi
Chắc sẽ bị giết chết
Cần gì đồ ăn mặc

Seated on the lion-throne,
Saw his son at a distance,
And silently recognized him.
He then commanded his attendants
To seize him and bring him back.
The poor son cried out in alarm,
And fainted, falling to the ground.
“These people have caught me!
I shall certainly be killed!
Why, for food and clothing’s sake



Khiến tôi đến thế này!
Trưởng-giả biết con
mình
Ngu dại lòng hẹp hèn
Chẳng chịu tin
lời ta
Chẳng tin ta
là cha
Ông liền dùng phương
tiện

Did I come to this place?”
The elder knew that his son
Was foolish and lowly.
“He wouldn’t believe me if I told
him
He wouldn’t believe that I am his
father.
Then he used an expedient,



Lại sai hai người khác
Mắt chột, thân lùn xấu
Hạng không có oai đức!
Các người nên bảo nó
Rằng ta sẽ thuê nó

Hốt dọn các phân nhơ
Trả giá bội cho nó.
Gã cùng tử nghe rồi
Vui mừng theo sứ về

And sent some other men,
One-eyed, squat, and ugly,
Lacking awesome virtue.
“Speak to him,” he said,
“And tell him, ‘You will work with
us
Getting rid of dung and filth
At twice your normal wages.’”
When the poor son heard this,
He happily followed them back



Vì dọn các phân nhơ
Sạch sẽ các phòng nhà
Trưởng-giả trong cửa sổ
Thường ngó thấy con
mình
Nghĩ con mình
ngu dại
Ưa thích làm việc hèn.
Lúc đó ông Trưởng-giả
Mặc y phục cũ rách

And swept out the dung and filth,
Cleaning all the dwellings.
From his window, the elder
Would often watch his son,
Remembering that he was foolish
and lowly
And enjoyed menial work.
Then the elder
Put on a worn and dirty robe,



Tay cầm đồ hốt phân
Qua đến chỗ con làm
Phương tiện lân gần gũi
Bảo rằng: ráng siêng
làm!

Đã thêm giá cho người
Và cho dầu
thoa chân
Đồ ăn uống đầy đủ
Thêm đệm chiếu đầy ấm

And, holding a dung shovel,
Went to where his son was.
Expediently drawing near to him,
He said, “Work with diligence,

For I have increased your wages,
And shall give you oil for your
feet,

And your fill of food and drink,
And thick, warm bedding.”



Cặn kẽ nói thế này:
Người nên siêng làm
việc!

Rồi lại dịu dàng
bảo

Như con thật của ta.

13. Ông Trưởng-giả có
trí

Thus he spoke sharply saying,
“You must work hard!”

And then in gentler tones, he
added,

“You are like my own son.

13. The elder, in his wisdom,



Lần lần cho
ra vào

Trải qua hai mươi năm
Coi sóc việc

trong nhà,

Chỉ cho biết vàng, bạc,
Ngọc trân châu, pha-lê

Các vật ra

hoặc vào

Đều khiến gã biết rõ.

Eventually allowed him to come
and go.

For a period of twenty years,
He was put in charge of household
business.

He showed him his gold, silver,
Real pearls and crystal.

The income and expense of all
these things,

He was caused to know.



Gã vẫn ở ngoài
cửa

Nương náu nơi am tranh
Tự nghĩ phận nghèo hèn
Ta không có vật đó.

Cha biết lòng con mình
Lần lần đã rộng lớn
Muốn giao tài vật cho
Liên nhóm cả thân tộc

And yet the son still lived outside
the gate,

Dwelling in a grass hut

Thinking of his poverty:

“None of these things are mine.

The father knew his son’s mind

Gradually had expanded,

And wishing to give him wealth,

He gathered together his relatives,



Quốc vương các đại
thần
Hàng sát-lợi, cư-sĩ
Rồi ở trong chúng này
Tuyên nói chính con ta
Bỏ ta đi nước khác
Trải hơn năm mươi
năm,
Từ gặp con đến nay
Đã hai mươi năm rồi

The kings, and great ministers,
The Kshatriyas and lay people.
In the midst of this great assembly ,
He said, “This is my son.
He left me and went away
Fifty years ago.

And it has been twenty years
Since I saw him return.



Ngày trước ở thành kia
Mà mất đứa con này
Ta đi tìm khắp nơi
Bèn đến ngụ nơi đây
Phàm của cải ta có
Nhà cửa cùng nhân dân
Thảy đều phó cho nó
Mặc tình nó tiêu dùng.
Người con nhớ xưa
nghèo

Long ago in a certain city
I lost my son.
Searching for him everywhere,
I came to this place.
Everything that I own,
My houses and servants,
I bequeath it all to him
That he may use it as he pleases
The son, recalling his former
poverty



Ý chí rất kém hèn
Nay ở nơi cha mình
Được quá nhiều châu
báu
Và cùng với nhà cửa
Gồm tất cả tài vật,
Lòng rất đổi vui mừng
Được điều chưa từng có.

And his lowly intentions.
Who now, in his father's presence
Had obtained these precious jewels,
And these dwelling places,
And all such wealth,
Greatly rejoiced,
Having gained what he'd never
had.



14. Đức Phật cũng như
thế
Biết con ưa tiểu thừa
Nên chưa từng nói rằng
Các người sẽ thành Phật
Mà chỉ nói chúng con
Được có đức
vô lậu
Trọn nên quả tiểu thừa
Hàng Thanh-văn đệ tử

14. The Buddha in the same way
Knew our fondness for the petty.
And so he never said to us,
“You shall become Buddhas.”
Instead he said that we
Could attain cessation of all
outflows,
Realize the lesser vehicle,
And become Hearer Disciples.



Đức Phật bảo chúng con
Nói đạo pháp tối thượng
Người tu tập pháp
này
Sẽ được thành
Phật quả
Chúng con vâng lời Phật

Vì các Bồ-Tát
lớn

The Buddha has instructed us
To speak of the unsurpassed Path,
And spoken of those who practice
it
As being able to accomplish
Buddhahood.
Receiving the Buddha's teaching,
we
For the sake of the Great
Bodhisattvas,



Dùng các món nhân
duyên
Cùng các món thí dụ
Bao nhiêu lời lẽ hay
Để nói đạo vô thượng.

Các hàng Phật tử thấy
Từ nơi con nghe pháp
Ngày đêm thường suy
gẫm

Use causes and conditions,
Various analogies,
And numerous expressions
To speak of the unsurpassed Path.

All the Buddha's disciples,
Having heard from us this Dharma,
Think upon it day and night,



Tinh tấn siêng tu tập.
Bảy giờ các đức Phật
Liên thọ ký cho
kia:
Các ông ở đời sau
Sẽ được thành Phật đạo.
Pháp mầu rất bí tàng
Của tất cả các Phật
Chỉ để vì Bồ-Tát
Mà dạy việc thật đó,

And diligently practice it.
Thereupon, all the Buddhas,
Then bestow predictions upon
them,
Saying, “You, in future age,
Shall become Buddhas.”
This is the secret store of Dharma,
Of all the Buddhas.
Only for the Bodhisattvas
Are such real matters set forth.



Nhưng chẳng vì chúng
con
Nói pháp chân yếu
này
Như gã cùng tử kia
Được gần bên người cha
Dầu lãnh biết các
vật
Nhưng lòng chẳng mong
cầu,

And not for our sakes
Have such true essentials been
spoken.
Just as the poor son.
Drew near his father, and
Although he knew of all his
possessions,
In his heart he held no hope of
getting them,



Chúng con dầu diễn nói
Tạng pháp báu của
Phật
Tự mình không chí
nguyện
Cũng lại như thế đó.

15. Chúng con diệt bễ
trong (18)
Tự cho là đã đủ

Even though we have spoken
Of the Buddhadharma's precious
store,
We personally never aspired to it.
In just the same way

15. Having attained inner-
extinction,
We thought this sufficient,



Chỉ xong được việc này
Lại không biết việc
khác.

Chúng con dầu có nghe
Pháp tịnh cõi nước Phật
Cùng giáo hóa chúng
sinh
Đều không lòng ưa vui.
Như thế là vì sao?
Vì tất cả các pháp

For having completed this,
There was nothing else to be done.

And even if we had heard
Of purifying Buddhalands,
And teaching and transforming
living beings,
We'd have taken no delight therein.
And for what reason?
All dharmas are



Thấy đều là không lặng
Không sanh cũng không
diệt
Không lớn cũng không
nhỏ
Vô lậu và
vô vi,
Suy nghĩ thế đó rồi
Chẳng sanh lòng ưa
muốn.

Completely empty and still,
Neither produced nor destroyed,

Neither great nor small,

Without outflows and
unconditioned.
Reflecting in this way,
We did not give rise to joy.



Chúng con đã từ lâu
Đối với trí huệ Phật
Không tham không ưa
thích
Không lại có chí
nguyện,
Mà đối với pháp mình
Cho đó là rốt ráo.
Chúng con từ lâu nay

During the long night,
For the Buddha's wisdom,
We had no craving or attachment
Nor did we aspire to it,
Yet, as to Dharma, we
Claimed we had the ultimate.
All through the long night,



Chuyên tu tập pháp
không
Được thoát khỏi hoạn
nạn
Khổ não của ba cõi

Trụ trong thân rốt sau
Hữu dư y Niết-bàn (19)
Đức Phật dạy bảo ra

We practiced and cultivated the
Dharma of emptiness.
Having won release from the triple
world
With its suffering, distress and
calamities,
We dwell within our final bodies,
In nirvana with residue.
According to the Buddha's
teaching,



Chúng được đạo chẳng
luống

Thời là đã có thể
Báo được ơn của
Phật.

Chúng con dầu lại vì
Các hàng Phật tử thấy
Tuyên nói pháp Bồ-Tát
Đề cầu chúng
Phật đạo

We attained the Way which is not
false,

And we assumed that we had
Thereby repaid the Buddha's
kindness.

Although we, for the sake
Of the Buddha's disciples spoke
Of the Bodhisattvas Dharma,
With which they should seek
Buddhahood,



Mà mình đối pháp đó
Trợn không lòng mong
muốn
Đấng Đạo-Sư
buông bỏ
Vì xem biết lòng con
Ban đầu không khuyên
gắng
Nói những lợi có thực

Still in this Dharma,
We never took delight at all.
Our master saw this and let things
be,
Because he saw into our hearts,
And so, at first, he did not
encourage us
By telling of the real advantage.



Như ông Trưởng-giả
giàu

Biết con chí kém hèn

Bèn dùng sức phương
tiện

Để hòa phục tâm con

Vậy sau mới giao phó

Tất cả tài vật báu

Đức Phật cũng thế đó

Just as the wealthy elder

*who knew that his son's ambitions
were lowly*

Used the power of expedients

To bring his mind under control,

And afterwards gave to him

All of his valuables,

The Buddha in the same way



Hiện ra việc ít có
Biết con ưa
tiêu thừa
Bèn dùng sức phương
tiện
Điều phục tâm
của con
Rồi mới dạy trí lớn.

Manifests rare things,
But for those who delight in the
small,
He uses the power of expedients
To brings their minds under
control,
Only then teaching the greater
wisdom



Chúng con ngày hôm
nay

Được pháp chưa từng có
Chẳng phải chỗ trước
mong

Mà nay tự nhiên được
Như gã cùng tử kia

Được vô lượng của báu
16. Thế-Tôn! Chúng con
nay

On this day, we

Have gained what we never had!
That for which we lacked hope,

We now have attained.

Just as the poor son

Gained limitless treasure,

16. O World Honored One, now



Được đạo và chúng
quả
Ở nơi pháp vô lậu
Được huệ nhãn thanh
tịnh
Chúng con từ lâu nay
Gìn tịnh giới
Phật chế
Mới ở ngày hôm nay
Được hưởng quả báo đó,

We've obtained the Path and its
fruits.
Within the non-outflow Dharma
We've gained the eye, pure and
clear.
During the long night, we
Maintained the Buddha's pure
morality
But only on this day,
Have we gained this reward.



Trong pháp của Pháp-
vương

Lâu tu-hành

phạm hạnh

Ngày nay được

vô lậu

Quả báo lớn vô thượng

Chúng con ngày hôm

nay

Mới thật là Thanh-văn

In the Dharma Kings's Dharma,

Long have we cultivated Brahman
conduct.

Now we've obtained that non-
outflow,

The unsurpassed, great fruition.

Now we are all

Truly Hearers.



Đem tiếng đạo của
Phật
Cho tất cả đều nghe
Chúng con ngày hôm
nay
Thật là A-la-hán
Ở nơi các thế gian
Trời, người và ma,
phạm,
Khắp ở trong chúng đó

And taking the sound of the
Buddha's Way,
We cause all to hear it.
Now we are all
Truly Arhats,
And in all the world,
With its gods, people, maras and
Brahmas,
Everywhere among them



Đáng lãnh của cúng
dường
Ồn lớn của
Thế-Tôn
Đem việc ít có này
Thương xót dạy bảo cho
Làm lợi ích chúng con
Trải vô lượng ức
kiếp
Ai có thể đền được.

We are worthy of receiving
offerings.
The World Honored One in his
great kindness,
Uses this rare thing,
To pity, teach.
And benefit us,
Throughout limitless millions of
eons.
Who could repay him?



Tay lãn chân cung cấp
Đầu đánh lễ cung kính
Tất cả đều cúng dường
Đều không thể đền
được.

Hoặc dùng đầu đội Phật
Hai vai cùng cõng vác

Trong kiếp số hằng sa

Giving one's hands and feet,
Bowling reverently in obeisance,
Whatever offering one makes,
Never repays him.

If one bore him on one's head,
Or carried him upon one's
shoulders,

For aeons as numerous as the
Ganges' sands,



Tận tâm mà cung kính,

Lại đem dâng đồ ngon

Y phục báu vô lượng

Và các thứ đồ nằm

Cùng các món thuốc

thang

Gỗ ngưu-đầu chiên-đàn

Và các vật trân báu

Đề dựng xây tháp miếu

Exhausting one's mind in
reverence-

Or further, if one used delicacies,

And limitless valuable clothing,

And all types of bedding,

And various medicines,

Ox-head sandalwood,

And various precious gems,

Or stupas and temples



Y báu lót trên đất

Như các việc trên đây
Đem dùng cúng dường
Phật

Trải kiếp số
hàng sa

Cũng không đền đáp
được.

Các Phật thật ít có

Covering the ground with valuable
cloth,

And if with such things as these,
One made offerings

Throughout aeons as numerous as
the Ganges' sands,

One still never repays him.

The Buddhas are rare indeed.



Đấng vô lượng vô biên
Đến bất-khả tư-nghì
Đủ sức thần thông lớn,
Bậc vô lậu vô vi
Là vua của các Pháp
Hay vì kẻ hạ liệt
Nhẫn việc cao thượng
đó,
Hiện lấy tướng phàm
phu

Limitless and boundless,
Yes, inconceivable is the power,
Of their great spiritual penetrations.
Without outflows, unconditioned,
They are kings of all the Dharmas.
For the sake of lesser beings,
They bear up under this work.

To common folks who grasp at
mark,



Tùy cơ nghi dạy nói
Các Phật ở nơi pháp

Được sức rất tự tại
Biết các hàng chúng
sanh

Có những điều ưa muốn
Và chí lực của nó

They teach what is appropriate.
The Buddhas have, within the
Dharmas,
Attained to the highest comfort.
They understand all living beings'
Various desires and delights,
As well as the strength of their
resolve,



Theo sức nó kham
nhiệm

Dùng vô lượng thí dụ
Mà vì chúng nói pháp
Tùy theo các chúng sanh
Trồng căn lành đời
trước

Lại biết đã thành
thục

According to what they can bear,

Using limitless analogies,
They teach them the Dharma,
In accord with living beings'
Wholesome roots from former
lives.

And knowing those who have
matured,



Hay là chưa thành
thục
Suy lường những điều
đó
Phân biệt biết rõ rồi
Ở nơi đạo nhất
thừa
Tùy cơ nghi nói ba.

And those who have not yet
matured,
Through such calculations,

They discriminate and understand,
And in the pathway of One
Vehicle,
They appropriately speak of three.



KINH DIỆU-PHÁP
LIÊN-HOÀ
QUYỂN THỨ HAI

Bậc thượng căn lãnh
ngộ, hàng trung hạ nổi
nghĩ, mở quyền bày thật
hội ba thời. Pháp mầu
tuyệt sự nói suy, của báu



không riêng tư, toàn
giao phó cho con nhà.

NAM-MÔ PHÁP-HOÀ
HỘI-THƯỢNG PHẬT
BỒ-TÁT. (3 lần)

Đức Như-Lai dụ nói ba
cõi làm nhà, ngoài cửa
ba cõi bày ba thứ xe, các



con đua giành ồn ào,
Trưởng-giả mừng khoe,
thọ ký quả Phật không
sai.

NAM-MÔ VỊ-LAI
HOA-QUANG PHẬT.
(3 lần)



